BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 12/2026
Từ 30/3 - 03/4/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

KẾT LUẬN HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ HAI KHÓA XIV VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Ngày 02/4/2026, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư Tô Lâm ký ban hành Kết luận Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" (gọi tắt là Kết luận số 18-KL/TW).

Sau đây là toàn văn Kết luận số 18-KL/TW:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng cơ bản tán thành nội dung các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 về phát triển kinh tế-xã hội, tài chính quốc gia, vay, trả nợ công, đầu tư công do Đảng uỷ Chính phủ trình (Tờ trình số 14-TTr/ĐU kèm theo các Báo cáo số 236-BC/ĐU, 237-BC/ĐU, 238-BC/ĐU, 239-BC/ĐU, ngày 22/3/2026); đồng thời lưu ý, nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

I- Bối cảnh và tình hình giai đoạn 2021 - 2025

Tình hình thế giới giai đoạn 2021 - 2025 có những thời cơ, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức là chủ yếu; tuy nhiên, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự giám sát, đồng hành, phối hợp của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết đoán, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, đất nước ta tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện, đột phá, nhiều điểm sáng nổi bật; đạt và vượt 22/26 chỉ tiêu kinh tế-xã hội chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025, trong đó hoàn thành toàn bộ chỉ tiêu về xã hội.

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng phục hồi mạnh mẽ và đạt kết quả tương đối cao, bình quân 5 năm đạt 6,2%/năm, trong đó năm 2025 đạt 8,02%. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Lạm phát, bội chi ngân sách nhà nước và các chỉ tiêu về nợ công được kiểm soát; bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia. Thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt nhiều kết quả nổi bật. Nhiều dự án tồn đọng, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, các tổ chức tín dụng yếu kém đã được xử lý có kết quả. Quản lý và sử dụng vốn đầu tư công có chuyển biến theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả; hệ thống hạ tầng được phát triển đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh triển khai, xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, điện hạt nhân. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt được những kết quả tích cực. An sinh xã hội được bảo đảm. Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục có bước phát triển tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Đối ngoại và hội nhập quốc tế được nâng tầm và đạt nhiều kết quả nổi bật, mở ra cơ hội mới cho phát triển đất nước.

Đặc biệt, cuối nhiệm kỳ đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều quyết sách chiến lược mang tính bước ngoặt, tạo thế và lực cho tăng tốc phát triển. Cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy đã đạt được những kết quả mang tính đột phá. Xây dựng pháp luật có nhiều đổi mới, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế. Xây dựng, triển khai quyết liệt, hiệu quả các nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, vẫn còn một số hạn chế, khó khăn. Nền tảng kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc, năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp chưa nhiều cho tăng trưởng; cơ chế, chính sách trong lĩnh vực này còn tồn tại nhiều điểm nghẽn. Phân cấp nguồn thu và quan hệ giữa ngân sách trung ương-ngân sách địa phương còn bất cập. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài. Công tác chuẩn bị dự án đầu tư công còn hạn chế, chất lượng chưa cao, còn dàn trải; chưa chú trọng đúng mức đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội và hạch toán kinh tế tổng thể. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn. Tình trạng ngập lụt, ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả. Công tác tổ chức thực thi có nhiều đổi mới, song vẫn chưa bắt kịp với yêu cầu phát triển. Hoạt động của một số tổ chức, cơ quan, đơn vị ở cấp xã sau sắp xếp còn gặp khó khăn, lúng túng.

Nguyên nhân của những hạn chế trước hết là do tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo. Ở trong nước, một số bộ, cơ quan, địa phương có lúc, có nơi còn chưa chủ động, sáng tạo, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; năng lực dự báo, phản ứng chính sách có nơi, có lúc còn hạn chế; một bộ phận cán bộ còn chưa thực sự đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, còn đùn đẩy, thiếu trách nhiệm; cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn còn những điểm nghẽn, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương chưa chặt chẽ, hiệu quả.

II- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công, vay, trả nợ công giai đoạn 2026 - 2030

Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, tình hình thế giới tiếp tục biến động rất nhanh, mạnh, khó lường… ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện những thuận lợi, khó khăn và với quyết tâm cao, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

1. Quan điểm, mục tiêu

1.1. Quan điểm chỉ đạo

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước; giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và từng người dân.

- Quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Kiên định mục tiêu, hành động quyết liệt, hiệu quả; đánh giá sát tình hình, linh hoạt các giải pháp vượt qua khó khăn của năm 2026, bứt phá trong giai đoạn 2027 - 2030.

- Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn; huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Bảo đảm cân đối bền vững, an toàn tài chính quốc gia, vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Thực hiện hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực. Quản lý nợ công thống nhất, chủ động, an toàn, bền vững. Đầu tư công hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, tạo lan toả lớn, bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền, tạo động lực tăng trưởng kinh tế dài hạn.

1.2. Mục tiêu và chỉ tiêu

Phát triển nhanh, bền vững đất nước; phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10%/năm trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, thuộc nhóm 30 nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới. Tạo lập thể chế phát triển hiện đại, bền vững; mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ; nâng cao tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chất lượng nguồn nhân lực; phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá và con người Việt Nam; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; xã hội dân chủ, công bằng, kỷ cương, an toàn; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên (Chỉ tiêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kết luận này).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Trung ương yêu cầu tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trong đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau (Các nhiệm vụ, thời hạn cụ thể nêu tại Phụ lục 3 kèm theo Kết luận này).

2.1. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

a) Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

b) Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật và tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ "tốt trong văn bản" sang "tốt trong cuộc sống". Tiếp tục có giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách. Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng… góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu môi trường đầu tư của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2028.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Trung ương - địa phương - doanh nghiệp - người dân; ban hành các chính sách đột phá, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

c) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới. Xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh; tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, hạt nhân, cơ khí chế tạo, luyện kim, vận tải đường sắt, đóng tàu, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số, sinh học, công nghiệp phụ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tuỳ tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị tăng cao. Đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển các mô hình kinh tế mới. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển. Xây dựng kinh tế cửa khẩu hiện đại, đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau-ưu đãi theo kết quả; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực FDI với khu vực trong nước; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng

cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ, mua sắm hàng hoá. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

d) Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống. Giao Chính phủ chủ động điều chỉnh các loại thuế, phí trong trường hợp khẩn cấp.

Ưu tiên phát triển thị trường vốn trong nước làm kênh huy động vốn dài hạn, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng. Triển khai các giải pháp để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia, nâng hạng thị trường chứng khoán; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế; phát triển đa dạng các loại hình nhà đầu tư tổ chức, phát triển thị trường tín chỉ các-bon và các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại theo thông lệ quốc tế; điều chỉnh hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu của ngân hàng chính sách xã hội. Mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo, nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống. Tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước từ các nguồn: Lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ, phát hành cổ phiếu, ngân sách nhà nước… theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể.

đ) Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế,

chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ nền tảng, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, nhất là những lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

e) Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia gắn với xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Có chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài

Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh. Hiện đại hoá giáo dục đại học, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến; đưa giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

h) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch, các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không lớn, tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị; đến năm 2030 đưa vào sử dụng trên 5.000 km đường bộ cao tốc. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu quốc tế lớn. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuỷ nội địa có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng thuỷ nội địa trên các hành lang vận tải thuỷ chính.

Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bảo đảm an ninh năng lượng; nghiên cứu phát triển nhiệt điện than quy mô hợp lý kèm theo lộ trình thu hồi, xử lý khí thải; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Phát triển hạ tầng thuỷ lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng số; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn, trung tâm dữ liệu lớn. Phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá trọng điểm quốc gia mang tầm khu vực, quốc tế.

Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá. Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khai thác hiệu quả không gian tầm thấp, không gian ngầm.

Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, thủ trưởng bộ, ngành, cơ quan chịu trách nhiệm chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

i) Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số và phát triển. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Khuyến khích làm giàu chính đáng, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu. Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.

Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo.

k) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Xử lý cơ bản ô nhiễm không khí, tắc nghẽn giao thông, ngập úng tại một số thành phố lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,... Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải.

Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển.

l) Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội rộng khắp, đa tầng trong hoạt động kinh tế; coi an ninh

quốc gia là một động lực phát triển kinh tế, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế, công nghệ, năng lượng và chuỗi cung ứng.

Triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp Quốc. Tham gia chủ động, có trách nhiệm vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và quốc tế. Chú trọng việc phân tích, đánh giá dự báo tình hình quốc tế, đề xuất các kịch bản ứng phó kịp thời, chủ động, nhất là đối với các tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp tài chính quốc gia

a) Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Xây dựng mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước.

b) Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

c) Đối với chính sách đặc thù tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước. Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).

d) Từ năm 2027 cân đối vào ngân sách nhà nước một số nhiệm vụ an ninh, quốc phòng đã được Bộ Chính trị phê duyệt, trước đây sử dụng từ nguồn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

e) Rà soát các vướng mắc trong đầu tư công, sớm tổng kết và đánh giá nguồn lực đầu tư công, trên cơ sở đó nghiên cứu hợp nhất Luật Đầu tư công với Luật ngân sách nhà nước.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp vay trả nợ công

Triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công, phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

2.4. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tư công trung hạn

a) Đối với ngân sách trung ương: Bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng của các địa phương. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với ngân sách địa phương: Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021-2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

c) Hoàn thành hướng dẫn hạch toán hiệu quả kinh tế-xã hội làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

Nguồn: nhandan.vn

TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM: LÁ PHIẾU CỬ TRI PHẢI ĐƯỢC TIẾP NỐI BẰNG CHẤT LƯỢNG LẬP PHÁP

Chiều ngày 31/3/2026, tại Nhà Quốc hội, Hội đồng Bầu cử Quốc gia tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 vừa qua đã thành công rất tốt đẹp.

Điểm nổi bật nhất của cuộc bầu cử lần này là sự tham gia đông đảo, trách nhiệm, đầy niềm tin của cử tri cả nước. Theo báo cáo, đã có 76.198.214 cử tri trên tổng số 76.423.940 cử tri đi bỏ phiếu, đạt tỉ lệ là 99,70%, mức cao nhất từ trước đến nay.

Ngoài ra, chất lượng, cơ cấu, tính đại diện của đội ngũ đại biểu tiếp tục được nâng lên. Công tác chuẩn bị được triển khai sớm, bài bản, thống nhất và chặt chẽ từ Trung ương tới cơ sở. Cùng với đó là bước tiến rõ rệt trong chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ vào tổ chức bầu cử. Đồng thời, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững trong suốt quá trình bầu cử.

Từ những kết quả đó, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh có thể rút ra 5 bài học kinh nghiệm rất quan trọng. Bài học thứ nhất, đó là phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, xuyên suốt; đồng thời phát huy cao độ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Cuộc bầu cử vừa qua có sự chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, kịp thời của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bầu cử Quốc gia; sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của các cơ quan ở Trung ương; cùng với sự vào cuộc chủ động, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở từng địa phương, cơ sở.

“Thực tiễn cho thấy, ở đâu cấp ủy lãnh đạo sâu sát, chính quyền tổ chức quyết liệt, các lực lượng phối hợp chặt chẽ, đồng bộ thì ở đó công tác bầu cử được tiến hành nghiêm túc, nền nếp, đúng pháp luật và hiệu quả. Điều đó một lần nữa khẳng định rằng, để công tác bầu cử thành công, yếu tố có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, gắn với tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị”, Tổng Bí thư Tô Lâm nói.

Bài học thứ hai, theo Tổng Bí thư Tô Lâm, đó là công tác nhân sự phải được chuẩn bị thật kỹ lưỡng, thật dân chủ, thật đúng pháp luật và thật sự vì lợi ích chung. Chất lượng đại biểu quyết định chất lượng hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Vì vậy, từng khâu từ hiệp thương, giới thiệu, thẩm tra, công bố danh sách, tiếp xúc cử tri, đến tổ chức bỏ phiếu và kiểm phiếu đều phải công khai, minh bạch, chặt chẽ, khách quan. Bầu cử thành công không chỉ là bầu đủ số lượng, mà quan trọng hơn là lựa chọn được những người thật sự có đức, có tài, có bản lĩnh, có năng lực hành động và có tinh thần phụng sự nhân dân.

Bài học thứ ba, phải lấy người dân làm trung tâm của toàn bộ quá trình bầu cử. Tỉ lệ cử tri đi bầu cao nhất từ trước tới nay không phải chỉ nhờ tổ chức tốt, mà còn nhờ cử tri thấy mình được tôn trọng, được thông tin đầy đủ, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để thực hiện quyền công dân. Việc tổ chức bỏ phiếu sớm ở một số khu vực đặc thù cho thấy tinh thần không để bất kỳ cử tri nào bị đứng ngoài ngày hội dân chủ của đất nước. Đây là bài học rất quan trọng về tính bao trùm, về bảo đảm quyền bầu cử thực chất cho mọi người dân, ở mọi vùng miền, trong mọi điều kiện.

Bài học thứ tư, là công tác thông tin, tuyên truyền phải đi trước một bước, phải đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung lẫn phương thức. Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ, trong bối cảnh truyền thông số phát triển nhanh, nếu thông tin chính thống không đến đủ nhanh, đủ rõ, đủ gần dân thì rất dễ để khoảng trống thông tin bị lấp đầy bởi tin sai, tin thiếu kiểm chứng. Cuộc bầu cử vừa qua cho thấy khi chúng ta kết hợp tốt giữa tuyên truyền trực tiếp ở cơ sở với nền tảng số, dữ liệu dân cư, ứng dụng công nghệ và các kênh truyền thông đa dạng thì hiệu quả vận động, hướng dẫn và tạo đồng thuận xã hội sẽ cao hơn rất nhiều.

Bài học thứ năm, thành công của một cuộc bầu cử chỉ thật sự trọn vẹn khi được chuyển hóa thành hiệu quả hoạt động của nhiệm kỳ mới. Lá phiếu của cử tri không dừng lại ở ngày bầu cử; lá phiếu ấy phải được tiếp nối bằng chất lượng lập pháp, bằng hiệu lực giám sát, bằng những quyết sách đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Chính vì vậy, trách nhiệm của Quốc hội khóa XVI và của từng vị đại biểu trúng cử là rất lớn: phải nhanh chóng cụ thể hóa niềm tin của cử tri thành hành động, thành sản phẩm lập pháp, thành hiệu quả giám sát và thành những quyết sách thiết thực phục vụ nhân dân, phục vụ phát triển đất nước.

Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định, cuộc bầu cử ngày 15/3/2026 vừa qua đã để lại một dấu ấn rất quan trọng: Đó là sự hội tụ của ý Đảng, lòng dân và khát vọng phát triển đất nước. Thành công ấy là kết quả của sự chuẩn bị chu đáo, sự lãnh đạo sát sao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và trên hết là tinh thần trách nhiệm của hàng chục triệu cử tri Việt Nam.

Từ thành công ấy, càng phải ý thức sâu sắc hơn rằng Quốc hội khóa XVI, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, phải là Quốc hội, là Hội đồng nhân dân của đổi mới, của hành động, của hiệu quả, của gần dân và vì dân. Mỗi đại biểu trúng cử phải luôn ghi nhớ rằng phía sau mình là niềm tin, là kỳ vọng, là sự gửi gắm của cử tri. Mỗi quyết định của Quốc hội, mỗi cuộc giám sát, mỗi đạo luật được ban hành đều phải hướng tới mục tiêu cao nhất là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tổng Bí thư Tô Lâm tin tưởng những bài học rút ra từ cuộc bầu cử lần này sẽ tiếp tục được kế thừa, phát huy và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới; đồng thời trở thành nền tảng vững chắc để Quốc hội khóa XVI hoàn thành xuất sắc trọng trách trước Đảng, trước nhân dân và trước lịch sử.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: TIẾP TỤC TINH GIẢN BIÊN CHẾ, SẮP XẾP, CƠ CẤU LẠI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong ba tháng đầu năm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai bài bản các nhiệm vụ cải cách hành chính, đạt nhiều kết quả, nhất là trong công tác cải cách thể chế, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, cắt giảm đầu môi trung gian.

Cụ thể là, về chỉ đạo điều hành, Bộ đã hoàn thành 8/32 nhiệm vụ trọng tâm (đạt tỷ lệ 25%) theo kế hoạch năm 2026.

Về cải cách thể chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã trình Chính phủ ban hành 16 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng và ban hành theo thẩm quyền 52 Thông tư. Đồng thời, Bộ đã công bố 229 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

Về cải cách tổ chức bộ máy, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện sắp xếp, cắt giảm mạnh mẽ các đầu mối trung gian. Đến nay, số lượng tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập còn 635, giảm 40,7% (tương đương giảm 435 tổ chức).

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai 25 cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ thống thông tin, trong đó 04 hệ thống đã đưa vào khai thác. Hoàn thành cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho 319 thủ tục hành chính cấp tỉnh và xã.

Tiếp nhận 1.463 phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đã xử lý dứt điểm 1.263 trường hợp.

Tập trung hoàn thành sắp xếp, thúc đẩy tự chủ tài chính hoàn toàn tại các đơn vị sự nghiệp

Để nâng cao chỉ số cải cách hành chính, trong quý II, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tập trung vào các giải pháp đột phá sau.

Trước hết về hoàn thiện tổ chức bộ máy, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tập trung hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và xây dựng phương án kiện toàn bộ máy theo mô hình Chính phủ nhiệm kỳ khóa XVI (2026 - 2031).

Đẩy mạnh số hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chỉ đạo điều hành và xử lý công việc. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin đất đai quốc gia.

Thúc đẩy tự chủ tài chính hoàn toàn tại các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng sẽ tăng cường kiểm tra cải cách hành chính tại ít nhất 20% số đơn vị trực thuộc trong năm.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước

Trước đó, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký ban hành Quyết định số 5918/QĐ-BNNMT về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026.

Theo đó, về cải cách tổ chức bộ máy, trong năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực ở địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW tại Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025, Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW tại Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 và chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Nghị quyết số 05-NQ/ĐU ngày 27/10/2025.

Triển khai xây dựng vị trí việc làm công chức theo Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ.

Sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Về cải cách chế độ công vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ, bảo đảm đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác sắp xếp, bố trí, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ với phương án kiện toàn, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân trên cơ sở cụ thể hóa quy định của Bộ Chính trị và Nghị định của Chính phủ theo hướng lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm, chất lượng công việc, sản phẩm cụ thể của từng cá nhân.

Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế

Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế đối với các công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan đơn vị thuộc Bộ theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, năng lực quản lý hành chính và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức của Bộ.

Tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, trọng tâm là năng lực, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao Vụ Tổ chức cán bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và chỉ đạo của Chính phủ.

Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ và quản lý cán bộ đầy đủ, phù hợp với quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đồng bộ với công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trong Quý II/2026, điều chỉnh giao biên chế công chức trong các đơn vị, tổ chức hành chính. Quý IV/2026, xây dựng vị trí việc làm công chức theo quy định của Chính phủ.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển văn hóa Việt Nam.

Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời gian qua cho thấy hệ thống pháp luật về văn hóa vẫn còn bộc lộ hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững đất nước chưa thật sự toàn diện và sâu sắc, dẫn đến việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa tạo được những đột phá cần thiết.

Nhiều quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn phát triển đời sống văn hóa - xã hội, chưa hình thành được khung pháp lý đủ mạnh để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, pháp luật về đầu tư, tài chính cho văn hóa còn phân tán, mức đầu tư thấp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, phát triển nguồn lực ngoài nhà nước, thu hút, ưu đãi đầu tư cho văn hóa chưa hoàn chỉnh. Hệ thống pháp luật về phát triển nguồn nhân lực văn hóa, về bảo tồn và phát huy giá trị di sản

văn hóa, cũng như về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí còn thiếu tính tổng thể, chưa tạo được động lực thúc đẩy lĩnh vực văn hóa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Trong bối cảnh đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển văn hóa Việt Nam để thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng theo Nghị quyết số 80-NQ/TW là hết sức cần thiết. Nghị quyết không chỉ tháo gỡ điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành, mà còn có một số cơ chế, chính sách đột phá phát triển văn hóa Việt Nam.

Thu hút nguồn lực đầu tư cho văn hóa

Dự thảo nêu rõ, dự án đầu tư công, dự án PPP, dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư lĩnh vực văn hóa, thể thao cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ nhưng chưa có trong quy hoạch thì được phép triển khai thực hiện và được cập nhật vào Quy hoạch tổng thể của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và các quy hoạch khác khi điều chỉnh.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung các dự án đầu tư trung hạn trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và bổ sung kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt mà không phải chờ đến kỳ điều chỉnh tiếp theo. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án này được thực hiện theo thủ tục rút gọn do Chính phủ quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm bố trí đủ quỹ đất cho thiết chế văn hóa, thể thao, cho phát triển các cụm, khu công nghiệp sáng tạo về văn hóa trong quy hoạch.

Các dự án đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm có quy mô quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế hoặc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quốc tế cần triển khai ngay theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ được thực hiện: Các thủ tục về quy hoạch, khởi công xây dựng công trình đồng thời với thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư; hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

Ưu đãi đầu tư, tài trợ trong lĩnh vực văn hóa

Theo dự thảo, nhà nước hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh, cơ chế tài chính cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển hoặc hoạt động tại các cụm, khu công nghiệp sáng tạo về văn hóa theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí được hỗ trợ thuế, phí, lệ phí theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết 198/2025/QH15ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Các hàng hóa, dịch vụ của hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao, biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành phim, chiếu phim được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%.

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí,

cụm, khu công nghiệp sáng tạo về văn hóa; nếu thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thìđược miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

Miễn thuế nhập khẩu đối với các di vật, cổ vật được hồi hương và đơn giản hóa thủ tục "tạm xuất, tái nhập" đối với các bảo vật quốc gia, cổ vật hoặc tác phẩm nghệ thuật giá trị cao đi tham dự triển lãm quốc tế. Miễn 100% các loại thuế và phí, bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, phí lưu kho, phí hải quan đối với các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, di sản văn hóa của Việt Nam đáp ứng được tiêu chí bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị đang ở nước ngoài về nước không vì mục đích lợi nhuận để trưng bày theo quy định của Luật Di sản văn hóa hoặc tặng cho, chuyển giao cho Nhà nước. Trường hợp tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm đã được hồi hương về nước, nhưng chủ sở hữu không chuyển nhượng cho nhà nước, mà chuyển nhượng cho bên thứ ba phải thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định.

Nguồn: nhandan.vn

QUỸ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT: "ĐÒN BẨY" NÂNG TẦM THỂ CHẾ

Quỹ Hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật vừa chính thức được giới thiệu là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Bộ Tư pháp. Với mục tiêu hoạt động không vì lợi nhuận, Quỹ được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động hằng năm không quá 300 tỷ đồng nhằm hỗ trợ toàn diện công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

Quỹ được thành lập và hoạt động dựa trên các căn cứ pháp lý quan trọng bao gồm: Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 197/2025/QH15; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Quyết định số 3722/QĐ-BTP của Bộ Tư pháp.

Mục tiêu, nhiệm vụ của Quỹ là huy động, tiếp nhận và phát huy nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoặc cần bổ sung kinh phí nhằm tạo thay đổi đột phá, tích cực, hiệu quả, bền vững về xây dựng pháp luật.

Quỹ xác định rõ giá trị cốt lõi đối với từng nhóm đối tượng cụ thể. Theo đó, đối với xã hội, Quỹ góp phần đổi mới phương thức làm luật, bảo đảm chính sách có "chất lượng thực", "đúng và trúng", "rõ và khả thi". Đồng thời, tăng cường cơ chế tham vấn, đối thoại và phản hồi chính sách.

Đối với người dân, Quỹ góp phần hoàn thiện quy định pháp luật rõ ràng, dễ tiếp cận, lấy con người làm trung tâm và bảo đảm quyền lợi hợp pháp.

Đối với doanh nghiệp, Quỹ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao tính minh bạch và khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ.

Quỹ xem xét hỗ trợ, tài trợ cho nhiều nhóm nhiệm vụ đa dạng như: Nhiệm vụ, hoạt động nghiên cứu, hoạch định chiến lược về xây dựng pháp luật; nhiệm vụ, hoạt động nghiên cứu chính sách, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tham gia xây dựng pháp luật quốc tế; nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật; tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn pháp lý trong nước, quốc tế.

Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng Đề án soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp; hỗ trợ một số hoạt động giám sát thi hành pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật; hỗ trợ nhiệm vụ, hoạt động khác trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Hình thức hỗ trợ, tài trợ bao gồm: Hỗ trợ kinh phí theo thỏa thuận và hồ sơ được phê duyệt; hỗ trợ bằng hiện vật, dịch vụ hợp pháp; hỗ trợ không gắn với mục tiêu chuyên đề và hỗ trợ gắn với mục tiêu chuyên đề.

Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng quy định; ưu tiên đề xuất có tác động rõ ràng, đo lường được, có căn cứ, bằng chứng và khả năng nhân rộng; đúng trọng tâm - tránh dàn trải; tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; ngăn ngừa hướng lái chính sách; phòng ngừa xung đột lợi ích.

Nguồn: baochinhphu.vn

THỂ CHẾ PHẢI TRỞ THÀNH NGUỒN LỰC THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG

Chiều ngày 27/3/2026, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị trao đổi, đề xuất chính sách, pháp luật thực hiện mục tiêu tăng trưởng "hai con số".

Hội nghị được tổ chức theo hình thức đối thoại mở. Đây là diễn đàn quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ thể trong nền kinh tế cùng trao đổi, phản ánh thực tiễn, đề xuất giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật phục vụ phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong thời gian tới.

Làm rõ hơn vai trò của pháp luật đối với việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng "hai con số"

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tú cho hay, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra mục tiêu yêu cầu hoàn thiện cấu trúc hệ

thống pháp luật Việt Nam, trong đó phải đưa pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh đó, mục tiêu tăng trưởng "hai con số" không chỉ là yêu cầu về tốc độ mà còn là yêu cầu về chuyển đổi mô hình phát triển đất nước và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó có năng lực cạnh tranh về thể chế. Thể chế không chỉ giúp khơi thông nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững mà phải trở thành một nguồn lực quan trọng phục vụ mục tiêu trên.

Hội nghị được tổ chức với 3 mục tiêu chính là: Làm rõ hơn vai trò của pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật đối với việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng "hai con số". Trao đổi, đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật, các quy định chính sách hiện hành, nhất là những quy định còn mâu thuẫn, thiếu rõ ràng hoặc chưa theo kịp yêu cầu phát triển, đang tạo ra "điểm nghẽn" đối với hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đổi mới sáng tạo và các mô hình kinh tế mới.

Đồng thời, đề xuất các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần chuyển mạnh từ tư duy thiên về quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; bảo đảm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật thực sự trở thành công cụ và là nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã trao đổi, cho ý kiến về hoàn thiện pháp luật các lĩnh vực động lực tăng trưởng chính như: đất đai, đầu tư, khoa học công nghệ; vấn đề về xử lý chồng chéo, mâu thuẫn pháp luật; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật;…

Đại diện Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kiến nghị Bộ Tư pháp cần chủ trì rà soát hệ thống pháp luật dựa trên thực tiễn kinh doanh thay vì rà soát riêng lẻ từng đạo luật. Trọng tâm là tháo gỡ sự chồng chéo giữa Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, cần bảo đảm tính ổn định và khả năng dự báo của chính sách; cải cách thực chất từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm"; nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại theo chuẩn ASEAN 4 (Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia)

Nhằm khắc phục tình trạng "cùng một quy định nhưng mỗi địa phương hiểu một cách khác nhau", Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề xuất bổ sung nguyên tắc thống nhất thị trường quốc gia vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, việc phân cấp, phân quyền cho địa phương phải đi đôi với điều kiện không được ban hành các quy định riêng gây rào cản hoặc hạn chế lưu thông hàng hóa, dịch vụ, vốn và lao động giữa các vùng miền.

Ngoài ra, cần định lượng hóa chi phí tuân thủ trong đánh giá tác động chính sách; đề nghị tăng cường vai trò của cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp FDI ngay từ giai đoạn nghiên cứu, soạn thảo chính sách…

Hiện đại hóa quy trình làm luật bằng công nghệ số

Phát biểu kết luận hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh cho biết, Hội nghị diễn ra trong bối cảnh Hội nghị Trung ương lần thứ hai vừa kết thúc với những chỉ đạo rất mới, quyết liệt về yêu cầu thực hiện tăng trưởng kinh tế ở mức độ cao, bền vững, tạo nền tảng

vững chắc để nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới với mục tiêu tăng trưởng "hai con số". Trung ương sẽ sớm ban hành kết luận về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, trong đó nhấn mạnh vai trò của đầu tư công, tài chính và các tập đoàn quốc gia…

Qua rà soát thực tiễn, Bộ Tư pháp chỉ rõ khoảng 60% vướng mắc hiện nay nằm ở khâu tổ chức thực hiện chứ không hoàn toàn do quy định pháp luật. Bộ Tư pháp khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp bên cạnh việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn, cần chủ động đề xuất những chính sách mới mang tính dẫn dắt.

Theo Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh, để hiện thực hóa điều này, Bộ đã chính thức ra mắt Quỹ Hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật. Quỹ được kỳ vọng sẽ huy động nguồn lực tài chính và chuyên gia từ các tập đoàn, doanh nghiệp để nghiên cứu các lĩnh vực mới như điện gió ngoài khơi, chuyển đổi số... Kết quả nghiên cứu từ Quỹ sẽ là cơ sở tham khảo chính thức để Bộ Tư pháp đề xuất chính sách với Chính phủ và Quốc hội, giúp rút ngắn quy trình lập pháp.

Về các kênh phản ánh vướng mắc, Bộ Tư pháp cam kết duy trì sự minh bạch qua các công cụ: Cổng pháp luật quốc gia sẽ tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của người dân, doanh nghiệp với sự giám sát theo thời gian thực. Người dân có thể gửi câu hỏi và theo dõi quá trình trả lời của các bộ ngành thông qua định danh VNeID; bên cạnh đó là cơ chế giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh cũng cho biết, Bộ Tư pháp đang chuyển đổi tư duy xây dựng luật từ các đạo luật đơn hành sang các đạo luật đa ngành, xử lý trọng tâm các vấn đề lớn thông qua các nghị quyết đặc thù. Đồng thời, Bộ đang đẩy mạnh tổng rà soát hệ thống pháp luật quốc gia và hiện đại hóa quy trình làm luật bằng công nghệ số như: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu pháp luật theo chuẩn quốc tế để máy có thể đọc được; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong rà soát và xây dựng văn bản; thiết lập quy trình số hóa hồ sơ chính sách từ khâu soạn thảo đến ban hành; xây dựng tiêu chí định lượng đánh giá chất lượng văn bản sau khi ban hành và sổ tay hướng dẫn quy chuẩn quốc gia.

Đặc biệt, Bộ đã trình cấp có thẩm quyền cho phép văn bản hợp nhất được phép trích dẫn và áp dụng chính thức thay vì chỉ mang tính tham khảo như trước đây. Điều này sẽ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận pháp luật thuận lợi và nhất quán hơn.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh khẳng định, Bộ Tư pháp là "người gác cổng" pháp luật cho Chính phủ, nhưng sẽ "gác cổng" theo hướng "mở cửa" linh hoạt để kiến tạo phát triển. Bộ cam kết đồng hành cùng các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng "hai con số" của đất nước.

Nguồn: baochinhphu.vn

SẼ BAN HÀNH THÊM 53 TIÊU CHUẨN QUỐC GIA CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng đóng vai trò then chốt, Bộ Khoa học và Công nghệ đang đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm tạo nền tảng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, trong năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và hoàn thiện danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, bao gồm công nghệ blockchain, trí tuệ nhân tạo, nền tảng dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng.

Cụ thể, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) được ban hành gồm 109 tiêu chuẩn, trong đó có 14 TCVN về an toàn thông tin, an ninh mạng; 28 TCVN về trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây; 18 TCVN về nền tảng dữ liệu và dữ liệu mở; và 49 TCVN về công nghệ blockchain phục vụ truy xuất nguồn gốc.

Đối với hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), đã có 14 quy chuẩn được ban hành. Trong đó, 12 QCVN liên quan đến dữ liệu và mạng di động 5G do Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành; 1 QCVN về dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia do Bộ Công an ban hành; và 1 QCVN về xác thực, lưu trữ tài liệu số lâu dài của các cơ quan Đảng, Nhà nước do Bộ Quốc phòng ban hành trong năm 2025.

Năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố thêm 1 tiêu chuẩn quốc gia về an ninh mạng - tường lửa, quy định các yêu cầu kỹ thuật chung, góp phần tăng cường bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin.

Theo kế hoạch, trong năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành 53 tiêu chuẩn quốc gia mới, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm của chuyển đổi số và phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Các tiêu chuẩn dự kiến ban hành bao gồm: 5 tiêu chuẩn về dữ liệu và trung tâm dữ liệu; 1 tiêu chuẩn về dịch vụ công trực tuyến; 7 tiêu chuẩn về mô hình dữ liệu đô thị; 3 tiêu chuẩn về an ninh bưu chính; 16 tiêu chuẩn về giao dịch điện tử.

Đáng chú ý, nhóm tiêu chuẩn phục vụ phát triển đô thị thông minh chiếm tỷ trọng lớn, với 3 tiêu chuẩn về đô thị thông minh, 5 tiêu chuẩn về bảo mật thông tin dữ liệu, 6 tiêu chuẩn về công nghệ thông tin và truyền thông, cùng 7 tiêu chuẩn về trao đổi và chia sẻ dữ liệu.

Không chỉ Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan cũng tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong các lĩnh vực chuyên ngành.

Cụ thể, Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự kiến ban hành 7 tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, góp phần hoàn thiện hạ tầng dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên.

Trong khi đó, Bộ Quốc phòng sẽ xây dựng 4 tiêu chuẩn quốc gia về mật mã dân sự và thuật toán mật mã cho hạ tầng công nghệ blockchain, nhằm bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống công nghệ số.

Việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong giai đoạn tới.

Nguồn: baochinhphu.vn

HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2026

Chiều ngày 30/3/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Bộ Công an tổ chức hội nghị triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Hội nghị được kết nối trực tuyến tới Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Chiến dịch cao điểm "90 ngày đêm" làm sạch dữ liệu đất đai đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Đáng chú ý là việc thống nhất phần mềm dùng chung trên toàn quốc, tạo nền tảng cho hệ thống quản lý đất đai đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

Đến nay, đã rà soát hơn 61 triệu thửa đất, trong đó hơn 24 triệu thửa cơ bản đạt tiêu chí "đúng, đủ, sạch". Tuy nhiên, tiêu chí "sống", tức cập nhật theo thời gian thực vẫn chưa được đánh giá đầy đủ.

Hiện vẫn còn hơn 37 triệu thửa đất cần tiếp tục đo đạc, cập nhật thông tin và khoảng 45 triệu thửa chưa được đưa vào hệ thống. Một số địa phương có tỉ lệ đạt tiêu chí rất thấp.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trần Đức Thắng, nhấn mạnh với quyết tâm "Nhanh hơn, quyết liệt hơn, hiệu quả hơn," trong năm 2026, sẽ phải hoàn thành xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ và đa mục tiêu.

Theo Bộ trưởng Trần Đức Thắng, cơ sở dữ liệu là nền tảng cốt lõi của chuyển đổi số. Do vậy, việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn đơn thuần mà còn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thể hiện sự quyết tâm của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai các Nghị quyết của Trung ương và Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Văn Long cũng khẳng định, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, đã được xác định rõ trong các nghị quyết, chương trình của Trung ương và Chính phủ. Trong bối cảnh hiện nay, an toàn dữ liệu phải được đặt lên hàng đầu, thậm chí quan trọng hơn cả phát triển hệ thống.

Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Văn Long đề nghị các đơn vị đẩy mạnh đối soát dữ liệu với dân cư, kết nối đồng bộ dữ liệu, tăng cường bảo mật, đồng thời yêu cầu địa phương chủ động bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ để hoàn thành tiến độ.

Nêu vướng mắc từ địa phương, bà Nguyễn Thị Loan, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho biết, sau khi hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn, toàn tỉnh có hơn 4,3 triệu thửa đất. Trong chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai, địa phương đã hoàn thành 1,5 triệu thửa, đưa vào vận hành trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và liên thông với dữ liệu dân cư.

Theo lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên, khó khăn lớn nhất là khu vực Bắc Kạn trước đây có diện tích hơn 1 triệu ha nhưng chủ yếu đo đạc thủ công, công nghệ lạc hậu. Tổng kinh phí dự kiến cần gần 400 tỉ đồng để triển khai đồng bộ.

Từ thực tế đó, tỉnh Thái Nguyên kiến nghị sớm ban hành quy trình lồng ghép, hướng dẫn chuyên môn và bố trí kinh phí để địa phương thực hiện thống nhất.

Cập nhật thường xuyên, liên tục dữ liệu đất đai, đưa vào vận hành ngay sau khi xây dựng

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng nhấn mạnh mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong năm 2026 là nhiệm vụ "không thể lùi", đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của tất cả các cấp, ngành và địa phương.

Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng cũng ghi nhận kết quả tích cực từ chiến dịch 90 ngày đêm làm sạch dữ liệu đất đai. Với cách làm bài bản, đồng bộ, chiến dịch đã tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng dữ liệu, từng bước khắc phục tình trạng sai lệch, thiếu đồng bộ giữa dữ liệu đất đai và dữ liệu dân cư. Đáng chú ý, phương thức triển khai mới theo hướng "làm sạch đi đôi với làm giàu dữ liệu" bước đầu phát huy hiệu quả, lấy chất lượng và khả năng khai thác làm thước đo.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng cũng chỉ ra những hạn chế: kết quả giữa các địa phương còn chênh lệch lớn; chất lượng dữ liệu ở một số nơi chưa bền vững; việc cập nhật, duy trì dữ liệu "sống" chưa đạt yêu cầu.

Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng cho rằng việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật mà còn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách, gắn với đổi mới phương thức quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số quốc gia, đồng thời phục vụ yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Mục tiêu trong năm 2026 là cơ bản hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ tài chính và xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm phủ kín toàn bộ thửa đất, vận hành thống nhất, đồng bộ, phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Để đạt mục tiêu này, Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng đề nghị các bộ, ngành, địa phương tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết là đẩy nhanh tiến độ đo đạc, lập bản đồ địa chính, hoàn thành đăng ký đất đai và lập hồ sơ địa chính trên phạm vi toàn quốc. Những khó khăn như chưa có hồ sơ, chưa đo đạc không phải là yếu tố khách quan, mà là nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được quy định từ lâu.

Các địa phương cần khẩn trương rà soát rõ khối lượng chưa đo đạc, khu vực chưa lập hồ sơ địa chính và các "vùng trắng" dữ liệu để xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công trách nhiệm, bảo đảm hoàn thành trong năm 2026.

Các địa phương cần ưu tiên triển khai tại những khu vực có nhiều biến động đô thị, khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, biên giới, hải đảo và địa bàn còn nhiều tranh chấp, khiếu kiện. Cách làm là lựa chọn thứ tự ưu tiên theo hướng làm trước những nơi thuận lợi, sau đó xử lý dần các khu vực phức tạp. Nguồn lực thực hiện cần được huy động linh hoạt; trường hợp khó khăn phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để được hỗ trợ.

Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng cũng nhấn mạnh yêu cầu đưa dữ liệu vào vận hành ngay sau khi xây dựng, đồng thời cập nhật thường xuyên, liên tục theo thời gian thực. Trên cơ sở đó, các địa phương cần rà soát, đối khớp thông tin người sử dụng đất với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; xử lý triệt để các trường hợp sai lệch, chưa xác định chủ sử dụng hoặc hồ sơ chưa hoàn thiện pháp lý.

Song song với đó là nhiệm vụ hoàn thiện dữ liệu ở các khu vực chưa có, bảo đảm phủ kín toàn quốc; hoàn thiện hạ tầng công nghệ; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; tổ chức kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: mae.gov.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI: CÔNG BỐ KẾT QUẢ PAR INDEX VÀ SIPAS NĂM 2025

Ngày 31/3/2026, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2025 và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đối với các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố.

Ứng dụng phần mềm đánh giá kết quả cải cách hành chính khoa học, chặt chẽ

Công bố và báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025, Phó Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Mạnh Quân cho biết, thực hiện nhiệm vụ được giao, Hội đồng thẩm định đã triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 theo quy trình khoa học, chặt chẽ, bài bản và ứng dụng phần mềm để đánh giá kết quả cải cách hành chính, đảm bảo kết quả phản ánh trung thực những tồn tại, hạn chế, cũng như những mặt đạt được của bức tranh cải cách hành chính toàn thành phố.

Chỉ số cải cách hành chính gồm 8 nội dung, được xác định trên cơ sở điểm đơn vị tự chấm, có sự đánh giá, thẩm định của Hội đồng thành phố; điểm qua điều tra xã hội học do Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội thực hiện. Tổng số điểm tối đa là 100 điểm, trong đó, điểm qua điều tra xã hội học là 30/100 điểm; điểm thẩm định là 70/100 điểm.

Năm 2025, trước việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính của thành phố phải có sự thay đổi để phù hợp với mô hình chính quyền mới.

Thành phố đã ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính mới theo hướng giản lược các tiêu chí không phù hợp với hoạt động của mô hình chính quyền trước đây; chú trọng các tiêu chí: Sắp xếp bộ máy; xây dựng quy chế, quy trình nội bộ; tích hợp một số nội dung chỉ số có liên quan công tác cải cách hành chính, như: Chỉ số chuyển đổi số (DTI); Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Chỉ số SIPAS trong nội bộ thành phố.

Đồng thời, thành phố tiếp tục quan tâm, đổi mới nội dung điểm thưởng trong công tác cải cách hành chính, trọng tâm là các sáng kiến, mô hình đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học, công nghệ; chuyển đổi số mang tính đột phá, có ảnh hưởng sâu rộng, hiệu quả rõ nét và có thể áp dụng cho nhiều cơ quan, đơn vị; đồng thời, ghi nhận các nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị góp phần cải thiện chỉ số do Trung ương đánh giá đối với thành phố như PAR INDEX, SIPAS.

Song song với việc sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá, thành phố đổi mới phương thức xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị bằng việc đánh giá theo hệ số, theo phân nhóm, theo mức xếp hạng A, B, C, không chỉ tạo sự công bằng hơn trong chấm điểm,

xếp hạng, mà còn khuyến khích các cơ quan, đơn vị chủ động bứt phá, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ. Năm 2025 cũng là năm đầu tiên triển khai hoàn toàn việc phát, thu, xử lý và tổng hợp phiếu điều tra xã hội học trực tuyến.

Trên cơ sở kết quả chấm điểm năm 2025, nhìn chung, công tác cải cách hành chính, triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố Hà Nội đạt được nhiều kết quả nổi bật, với nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét; thái độ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực thi công vụ được nâng lên rõ rệt; công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, từ đó, thành phố nhận được nhiều hơn sự chia sẻ, đồng cảm từ người dân, doanh nghiệp đối với những nỗ lực, cố gắng của các cấp chính quyền, địa phương; sự quan tâm của lãnh đạo trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác sắp xếp cán bộ tạo sự chuyển biến nhất định trong hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố.

Nhiều đơn vị có Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đạt mức cao

Đối với khối sở, cơ quan tương đương sở: Kết quả Chỉ số cải cách hành chính trung bình khối sở năm 2025 là 92,2%, tăng 5,65% so với năm 2024; điểm đánh giá từ điều tra xã hội học của các đơn vị đều đạt mức khá cao và ít chênh lệch, từ 27,98 - 28,96 trên tổng số 30 điểm, phản ánh mức độ hài lòng tích cực của các đối tượng khảo sát đối với chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính.

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 khối sở, cơ quan tương đương sở là: Sở Nội vụ (98,05%); tiếp theo là Sở Tài chính (97,88%), Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (97,77%).

Đối với khối Uỷ ban nhân dân xã, phường: Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đạt mức cao và tương đối đồng đều giữa các nhóm đơn vị. Trong tổng số 126 xã, phường được đánh giá, có 89 đơn vị đạt mức A (điểm cao nhất 95,58, điểm thấp nhất 90,06), chiếm 70,63%; 37 đơn vị đạt mức B (điểm cao nhất 89,99, điểm thấp nhất 80,28), không có đơn vị nào mức C.

Kết quả điều tra xã hội học của các xã, phường chủ yếu dao động trong khoảng 26-28/30 điểm, nhiều đơn vị đạt trên 27 điểm. Điểm cao nhất đạt 28,36 điểm và thấp nhất là 24,99 điểm. Kết quả này phản ánh mức độ hài lòng của người dân và các tổ chức đối với chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp cơ sở.

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với phường nhóm I là: Ủy ban nhân dân phường Ô Chợ Dừa (94,73%); tiếp đến là Ủy ban nhân dân phường Ngọc Hà (93,89%), Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng (93,80%)…

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với phường nhóm II là: Ủy ban nhân dân phường Tây Hồ (93,94%), Ủy ban nhân dân phường Phúc Lợi (92,87%), Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tuy (92,76%)…

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với phường nhóm III là: Ủy ban nhân dân phường Tùng Thiện (95,58%), Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát (93,79%), Ủy ban nhân dân phường Sơn Tây (93,43%)...

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với xã nhóm I là: Ủy ban nhân dân xã Ô Diên (94,80%); tiếp đến là Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên (93,88%), Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh (93,33%)…

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với xã nhóm II là: Ủy ban nhân dân xã Phúc Thọ (94,34%); tiếp đến là Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng (93,12%), Ủy ban nhân dân xã Hòa Xá (92,76%)…

Dẫn đầu Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với xã nhóm III là: Ủy ban nhân dân xã Ứng Hòa (94,59%); tiếp đến là Ủy ban nhân dân xã Vân Đình (94,55%), Ủy ban nhân dân xã Chuyên Mỹ (93,22%)…

Cải cách hành chính phải trở thành động lực tăng trưởng

Phát biểu kết luận hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũ Đại Thắng khẳng định, công tác cải cách hành chính tiếp tục được Hà Nội xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời, góp phần trực tiếp vào thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Để công tác cải cách hành chính của thành phố trong thời gian tới đi vào thực chất, hiệu quả hơn, tạo chuyển biến rõ nét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũ Đại Thắng yêu cầu các cấp, các ngành tập trung triển khai 8 nhóm nhiệm vụ trọng tâm.

Trước hết, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm mỗi cơ quan, đơn vị phải thực sự chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính. Đồng thời, các đơn vị gắn chặt kết quả thực hiện cải cách hành chính với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, các đơn vị tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; đổi mới chế độ công vụ theo hướng đánh giá bằng kết quả; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số. Mọi nhiệm vụ phải được xác định rõ sản phẩm đầu ra, có chỉ tiêu đo lường cụ thể, có thời hạn hoàn thành rõ ràng.

Đặc biệt, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng khoa học, minh bạch, hiệu quả; thực hiện nghiêm phương châm "Hà Nội đã nói là làm - làm nhanh, làm đúng, làm hiệu quả, làm đến cùng".

Các địa phương, đơn vị quán triệt đầy đủ các yêu cầu về "6 dám, 5 dễ, 6 rõ", trong đó, đặc biệt là yêu cầu rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ thẩm quyền; chấm dứt tình trạng giao việc chung chung, không rõ trách nhiệm, không kiểm tra, không đánh giá kết quả.

Trên cơ sở kết quả Chỉ số PAR Index 2025, đồng chí Vũ Đại Thắng đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc rà soát, phân tích, đánh giá toàn diện, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và trách nhiệm cụ thể, từ đó xây dựng kế hoạch cải thiện Chỉ số PAR Index năm

2026 và các năm tiếp theo với các giải pháp cụ thể, khả thi, có lộ trình rõ ràng; bảo đảm việc đánh giá thực chất, khách quan, gắn với kết quả đầu ra.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỔ SUNG 16 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MIỄN LỆ PHÍ KHI THỰC HIỆN TRỰC TUYẾN

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành văn bản về việc bổ sung danh mục thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến với mức thu lệ phí 0 đồng trên địa bàn Thành phố. Đây là bước tiếp theo trong lộ trình đẩy mạnh cải cách hành chính, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất bổ sung 16 thủ tục hành chính mới vào danh mục được miễn lệ phí khi thực hiện trực tuyến, triển khai theo Nghị quyết số 411/NQ-HĐND.

Song song đó, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu được yêu cầu tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được giao trước đây liên quan đến triển khai nghị quyết. Đặc biệt là đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

16 thủ tục hành chính được miễn lệ phí, gồm:

I. Lĩnh vực hộ tịch

1. Đăng ký giám hộ

2. Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài

3. Đăng ký chấm dứt giám hộ

4. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài

5. Đăng ký giám sát việc giám hộ

6. Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ

7. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc

8. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài

9. Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

10. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

11. Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ, nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)

12. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

13. Đăng ký khai sinh lưu động

14. Đăng ký kết hôn lưu động

15. Đăng ký khai tử lưu động

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Nguồn: chinhphu.vn

LÀO CAI: TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH GIAO THÔNG

Thời gian qua, Công an tỉnh Lào Cai đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đồng bộ hệ thống camera giám sát đô thị thông minh phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự và an toàn giao thông từng bước hình thành mô hình quản lý, điều hành giao thông hiện đại.

Hệ thống camera được kết nối về trung tâm điều hành, tích hợp các phần mềm nhận diện biển số, phân tích hành vi vi phạm, cho phép lực lượng Cảnh sát giao thông theo dõi tình hình theo thời gian thực. Qua đó, kịp thời phát hiện, ghi nhận và xử lý vi phạm một cách khách quan, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Từ năm 2023 đến năm 2025, thông qua hệ thống camera giám sát, toàn tỉnh đã phát hiện 8.414 trường hợp vi phạm. Trong đó, vi phạm không chấp hành tín hiệu đèn giao thông chiếm 2.443 trường hợp; vi phạm tốc độ 5.837 trường hợp và các hành vi vi phạm khác.

Hiện tỉnh Lào Cai đang mở rộng lắp đặt hệ thống camera "phạt nguội" tại phường Lào Cai và phường Sa Pa, trên cơ sở phát huy hiệu quả mô hình đã triển khai tại phường Yên Bái.

Bên cạnh đó, Công an tỉnh đã ứng dụng phần mềm thống kê tai nạn giao thông, xây dựng cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ trên nền tảng tích hợp dữ liệu từ hiện trường và các cơ sở y tế. Việc triển khai ứng dụng VNeTraffic kết nối với VNeID cũng đang được đẩy mạnh, giúp quản lý, tra cứu vi phạm, tiếp nhận phản ánh của người dân một cách thuận tiện, đồng bộ.

Trong lĩnh vực cải cách hành chính, các thủ tục như: Cấp giấy phép kinh doanh vận tải, cấp đổi giấy phép lái xe, đăng ký phương tiện… đã được thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia mức độ 4. Các trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn cũng đã áp dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt, đảm bảo tính chính xác, công bằng và minh bạch trong quá trình sát hạch.

Song song với đó, Sở Xây dựng đã phối hợp tham mưu triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị theo quy định. Hiện có 6 bãi đỗ xe đang triển khai, phấn đấu đến năm 2026, 100% bãi đỗ xe trên địa bàn tỉnh áp dụng hình thức thu phí này. Đối với bến xe

khách, trong năm 2026 sẽ triển khai tại 4 bến có lưu lượng lớn, các bến còn lại sẽ thực hiện theo lộ trình phù hợp.

Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ không chỉ nâng cao hiệu quả tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm mà còn hỗ trợ công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, đấu tranh phòng chống tội phạm trên các tuyến giao thông. Đồng thời, góp phần chuyển đổi phương thức quản lý từ thủ công sang dựa trên dữ liệu số, nâng cao năng lực điều hành theo hướng hiện đại.

Nguồn: daibieunhandan.vn

BẮC NINH: TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM CÁC KỊCH BẢN ĐIỀU HÀNH TRÊN HỆ THỐNG IOC CẤP TỈNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh vừa ban hành Công văn số 2889/UBND-CĐS về việc triển khai thí điểm các kịch bản điều hành trên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh.

Việc triển khai thí điểm các kịch bản điều hành trên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh nhằm tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành trên môi trường số, khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp dữ liệu theo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ. Dữ liệu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành sẽ được kết nối, cập nhật vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để phục vụ triển khai các kịch bản trên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh.

Đối với dữ liệu ngoài Bộ chỉ số, các đơn vị chủ trì phải chủ động làm sạch, chuẩn hóa và cập nhật đầy đủ vào hệ thống. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối quản lý, cung cấp dữ liệu phục vụ vận hành các kịch bản điều hành.

Các sở, ngành, địa phương được yêu cầu rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số, đồng thời chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành. Việc tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành vào kho dữ liệu của tỉnh phải bảo đảm cập nhật tự động, phục vụ trực tiếp công tác điều hành.

Tỉnh sẽ tổ chức thí điểm 15 kịch bản điều hành trên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: Quản lý dữ liệu dân cư; kinh tế - xã hội; đầu tư công; ngân sách; giao thông; y tế; giáo dục; cải cách hành chính; xử lý phản ánh kiến nghị; quản lý cán bộ; khu công nghiệp…Thời gian thử nghiệm kéo dài đến hết ngày 31/8/2026. Sau đó, các đơn vị sẽ đánh giá hiệu quả, đề xuất phương án triển khai chính thức.

Trong quá trình thử nghiệm, các cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của dữ liệu; thường xuyên theo dõi các chỉ số, cảnh báo để kịp thời tham mưu giải pháp điều hành. Các đơn vị phối hợp có trách nhiệm cung cấp dữ liệu đầy đủ, đúng hạn và khai thác hiệu quả hệ thống.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Công an tỉnh bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và cung cấp dữ liệu dân cư, dữ liệu camera giám sát. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì vận hành hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật, tổng hợp, đôn đốc tiến độ triển khai. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, hiển thị dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành.

Các sở, ngành như Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Tài chính, Nội vụ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp… chủ trì triển khai các kịch bản theo lĩnh vực phụ trách, bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, chính xác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cũng yêu cầu các cơ quan, đơn vị giảm dần việc sử dụng báo cáo giấy đối với các nội dung đã được tích hợp trên hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trên nền tảng số.

Nguồn: baobacninhtv.vn

NINH BÌNH: NHIỀU SÁNG KIẾN THÁO GỠ KHÓ KHĂN, THÚC ĐẨY XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Để đáp ứng nhu cầu về giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, thời gian qua, cán bộ cơ sở của tỉnh Ninh Bình đã có nhiều sáng kiến trong công việc, mang lại hiệu quả rõ nét. Chỉ trong 6 tháng sau sáp nhập, toàn tỉnh ghi nhận 85 sáng kiến cấp tỉnh có hiệu quả và khả năng nhân rộng cao. Trong đó nhiều sáng kiến tập trung tháo gỡ khó khăn trong quá trình cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số.

Phường Nam Định với địa bàn rộng, dân số đông, nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính phát sinh nhiều trong khi nhân lực, cơ sở vật chất còn hạn chế. Để đáp ứng yêu cầu công việc, cán bộ phường đã nghiên cứu xây dựng mô hình "thủ tục hành chính chủ động - cá thể hóa theo dữ liệu công dân". Theo đó, thay vì niêm yết thủ tục hành chính từ bảng giấy truyền thống thì đơn vị chuyển sang bảng điện tử; tích hợp thao tác nộp hồ sơ dịch vụ công cho công dân, doanh nghiệp qua đường link và mã QR. Nội dung này được đăng tải lên Trang thông tin điện tử của phường và bảng thông tin điện tử tại các điểm công cộng. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân cách đăng nhập tìm hiểu và thực hiện dịch vụ công.

Đồng chí Trần Quang Thành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Nam Định cho biết: Cách làm này giúp người dân dễ dàng tìm hiểu, thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến ở bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào; cán bộ phường chỉ việc tiếp nhận yêu cầu qua phần mềm. Với sáng kiến này phường đã chuyển đổi thành công từ việc "cán bộ hướng dẫn - người dân thực hiện" sang "người dân chủ động tra cứu và thao tác". Sáng kiến không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức xã hội mà góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số và hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Tại phường Nam Hoa Lư, thay vì phải hướng dẫn từng người dân điền thông tin vào mẫu kê khai thủ tục hành chính, cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công đã in sẵn biểu mẫu kê

khai từng lĩnh vực, từng thủ tục hành chính có tần suất sử dụng nhiều nhất để người dân tự làm theo mẫu.

Mỗi nơi đến yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính tôi đều thấy có những sáng tạo trong cách tiếp đón công dân, hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ... rất tiện dụng cho người dân. Ngoài phường Nam Định, Nam Hoa Lư, nhiều địa phương khác ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động chỉ đạo điều hành, tham mưu. Tôi được biết tất cả những mô hình này đều do các cán bộ, công chức xã nghiên cứu hợp lý hóa quy trình, làm lợi cho dân, cho nước.

Nếu như ở cấp cơ sở các sáng kiến được nghiên cứu tháo gỡ khó khăn thực tế của địa phương thì ở cấp sở, ngành, các sáng kiến mang tính bao quát, phổ cập cao, phục vụ việc triển khai các nhiệm vụ trong xây dựng chính quyền số. Giải pháp đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền địa phương cấp xã ngay sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp của nhóm tác giả Sở Nội vụ thực hiện rất khách quan và sát với thực tiễn nhờ vào việc xây dựng bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng của người dân và lựa chọn đối tượng điều tra xã hội học… qua đó đã có cái nhìn tổng quát về hiệu quả, hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương hai cấp thông qua năng lực, sự hài lòng, tốc độ xử lý và chất lượng phục vụ của chính quyền tại địa phương; sự tương tác của người dân với chính quyền trên môi trường điện tử để có phương án sắp xếp, điều chỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương theo hướng thân thiện, minh bạch và gần dân.

Trong xây dựng chính quyền số, việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới được coi là biện pháp tháo gỡ "nút thắt" giúp người dân tương tác với chính quyền trên môi trường số ở bất cứ đâu. Tuy nhiên, để triển khai gặp rất nhiều khó khăn bởi quá trình thực hiện cần đảm bảo đủ 4 yếu tố: Đồng bộ về dữ liệu; phân chia thẩm quyền hành chính; môi trường số - nền tảng để giải quyết dịch vụ công trực tuyến và quan trọng nhất là quy trình hành chính liên quan đến các quy định pháp luật.

Giải quyết tình trạng này, nhóm tác giả Phòng Chuyển đổi số (Sở Khoa học và Công nghệ) đã nghiên cứu cấu hình quy trình để tất cả các trung tâm phục vụ hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp xã có thể kết nối, "nhìn thấy nhau" trên hệ thống, qua đó có thể dễ dàng lựa chọn để luân chuyển hồ sơ đến bất kỳ trung tâm phục vụ hành chính công nào trên địa bàn toàn tỉnh để giải quyết. Hồ sơ sau khi giải quyết xong được chuyển lại cho cơ quan tiếp nhận ban đầu (cơ quan tiếp nhận phi địa giới) trả kết quả cho công dân. Với cách làm này, người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ trung tâm phục vụ hành chính công nào phù hợp với nơi cư trú, sinh sống, học tập và làm việc.

Từ những sáng kiến cụ thể, cách làm sáng tạo và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, công tác xây dựng chính quyền số của tỉnh Ninh Bình đã và đang tạo ra những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả mô hình chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

THANH HÓA: THÍ ĐIỂM KIOSK THÔNG MINH, LÀM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG VÀI PHÚT

Ngày 30/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tổ chức lễ ra mắt Mô hình thí điểm Kiosk thông minh và hệ thống xác thực, cấp bản sao số tài liệu điện tử.

Theo đại diện Ngân hàng Agribank, Kiosk là giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ nhận dạng để tự động hóa quy trình chứng thực, cấp bản sao và thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Người dân chỉ cần quét giấy tờ tại Kiosk, hệ thống sẽ tự động kiểm tra, xác thực và chuyển xử lý, trả kết quả trong 3 - 5 phút, thay vì khoảng 15 phút như trước.

Điểm nổi bật là khả năng liên thông dữ liệu với Bộ Công an, cho phép thực hiện đồng thời nhiều thủ tục như đăng ký khai sinh, thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi trên cùng một giao diện.

Các dịch vụ phổ biến như cấp phiếu lý lịch tư pháp, đổi giấy phép lái xe cũng được rút gọn quy trình. Người dân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Kiosk, nhận kết quả qua email hoặc mã QR và các ứng dụng số như ThanhHoa, VNeID, Zalo.

Hệ thống tại các Kiosk thông minh giúp tự động hóa nhiều khâu, hỗ trợ phát hiện sai sót hồ sơ, qua đó tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân. Với cán bộ hành chính, hiệu suất xử lý công việc tăng 3 - 5 lần, đồng thời vẫn bảo đảm tính pháp lý và bảo mật. Từ ngày 31/3/2026, người dân tại 10 đơn vị thí điểm sẽ được trực tiếp trải nghiệm mô hình này.

Cụ thể, mô hình được triển khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 9 trung tâm tại các xã, phường gồm: Hạc Thành, Hàm Rồng, Đông Sơn, Đông Quang, Đông Tiến, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hoằng Hóa, Kim Tân.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Mai Xuân Liêm - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhấn mạnh, hệ thống Kiosk là giải pháp ứng dụng AI trong xác thực và cấp bản sao số tài liệu điện tử, cho phép người dân số hóa tài liệu, ký số và nhận kết quả nhanh chóng, không cần hồ sơ giấy.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan thường xuyên tiếp nhận phản hồi của người dân, hoàn thiện hệ thống, bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng. Đồng thời, tăng cường tập huấn cho cán bộ cấp xã để khai thác hiệu quả thiết bị, xử lý kịp thời hồ sơ phát sinh.

Sau giai đoạn thí điểm, tỉnh Thanh Hóa dự kiến sẽ mở rộng mô hình trên toàn địa bàn nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong thực hiện dịch vụ công.

Nguồn: tienphong.vn

HUẾ: TĂNG TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU, ĐƯA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Chiều ngày 01/4/2026, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Huế tổ chức cuộc họp đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trong quý I/2026.

Từng bước định hình nền tảng số

Trong quý I/2026, thực hiện Kết luận 01-KL/BCĐ ngày 31/12/2025, các cơ quan, đơn vị đã khẩn trương rà soát nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đã kiện toàn Ban Chỉ đạo, ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên. 100% sở, ngành đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số và lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm để triển khai. Thành phố cũng tích hợp các mục tiêu chuyển đổi số vào quy hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2030, định hướng hình thành 5 khu công nghệ số tập trung.

Toàn thành phố đã triển khai 241 nhiệm vụ, trong đó hoàn thành 130 nhiệm vụ, tỷ lệ đúng hạn đạt trên 90%. Hạ tầng số tiếp tục được mở rộng với độ phủ sóng 5G đạt khoảng 85%. Doanh thu lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin ước đạt 300 tỷ đồng.

Nền tảng Hue-S tiếp tục phát huy hiệu quả, 100% dịch vụ đô thị thông minh đã được tích hợp. Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 93%.

Ở khối Đảng, việc ứng dụng công nghệ thông tin có chuyển biến tích cực, phần mềm "Sổ tay đảng viên điện tử" đã được triển khai đồng bộ. Thành phố cũng phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như xử lý văn bản điện tử chưa đồng bộ; thiết bị CNTT cấp cơ sở còn thiếu. Các dự án chuyển đổi số gặp khó do thủ tục đầu tư kéo dài, kinh phí chưa đáp ứng; hạ tầng và dữ liệu, nhất là dữ liệu đất đai, còn hạn chế. Công tác đổi mới sáng tạo chưa rõ nét; việc kết nối giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo còn hạn chế. Các đại biểu đề nghị sớm tháo gỡ vướng mắc về thủ tục, đẩy nhanh thẩm định dự án, đồng thời quan tâm đầu tư hạ tầng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu.

Vì vậy, tại hội nghị, các đại biểu đề nghị cần sớm tháo gỡ vướng mắc về thủ tục đầu tư; xây dựng danh mục dự án chuyển đổi số rõ ràng; đẩy nhanh thẩm định, phê duyệt. Đồng thời, quan tâm đầu tư hạ tầng, nâng cấp đường truyền, hoàn thiện cơ sở dữ liệu các lĩnh vực như đất đai, du lịch, chính sách người có công.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, tạo chuyển biến thực chất

Kết luận hội nghị, đồng chí Nguyễn Đình Trung - Bí thư Thành ủy, Trưởng ban Chỉ đạo nhấn mạnh yêu cầu phải nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhiều hạn chế hiện nay xuất phát

từ việc một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, thiếu quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức đến lĩnh vực này. Vì vậy, thời gian tới cần lượng hóa cụ thể các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo từng ngành, lĩnh vực; có hệ thống theo dõi, đánh giá rõ ràng, tránh triển khai chung chung.

Bí thư Thành ủy Nguyễn Đình Trung yêu cầu rà soát toàn diện hệ thống dữ liệu của các sở, ngành, đặc biệt là dữ liệu đất đai; đẩy nhanh tiến độ làm sạch, cập nhật dữ liệu. Đồng thời, cần xây dựng khung báo cáo thống nhất để theo dõi biến động dữ liệu.

Về hạ tầng, cần sớm triển khai đầu tư công để trang cấp thiết bị đầu cuối cho cấp xã, phường theo hướng đồng bộ, tập trung, hoàn thành trước ngày 15/6/2026. Đồng thời, nghiên cứu đầu tư trung tâm dữ liệu quy mô lớn nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác dữ liệu dùng chung.

Đối với cơ quan Đảng, do đặc thù nhiều văn bản mật, cần nghiên cứu giải pháp phần mềm riêng và tăng cường trang thiết bị để bảo đảm xử lý văn bản điện tử an toàn, hiệu quả. Mục tiêu đặt ra là trong quý II không còn văn bản giấy, 100% văn bản được ký số, phát hành trên môi trường mạng.

Trong lĩnh vực dịch vụ công, dù tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của thành phố đang ở mức cao, song cần tiếp tục nâng cao chất lượng, không chủ quan; gắn trách nhiệm cụ thể cho người đứng đầu.

Đồng chí Bí thư Thành ủy cũng yêu cầu đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo mô hình "3 nhà": Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, bảo đảm các kết quả nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Về cơ chế chính sách, giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong kỳ họp giữa năm; đồng thời xây dựng khung pháp lý để khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình chuyển đổi số.

Nhấn mạnh tinh thần "kỷ cương, trách nhiệm, hành động", Bí thư Thành ủy Nguyễn Đình Trung đề nghị các cấp, các ngành phải coi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực phát triển chủ yếu; từ đó tạo chuyển biến rõ nét, thực chất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn tới.

Nguồn: huengaynay.vn

KHÁNH HÒA: ĐẶT MỤC TIÊU THUỘC TOP 10 CẢ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tỉnh Khánh Hòa đang đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thương mại điện tử, xác định đây là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế số, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương trong giai đoạn mới. Đến năm

2030, Khánh Hòa đặt mục tiêu nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số thương mại điện tử.

Theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh xác định thương mại điện tử là lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, góp phần tối ưu hóa chuỗi giá trị từ sản xuất, phân phối đến tiêu dùng. Việc phát triển được định hướng theo hướng bền vững, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, trong đó doanh nghiệp và người tiêu dùng giữ vai trò trung tâm.

Tỉnh phấn đấu 70% dân số trưởng thành tham gia mua sắm trực tuyến; doanh số bán lẻ thương mại điện tử tăng trưởng bình quân 20%/năm; trên 70% doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Cùng đó, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử dự kiến đạt 80%; 100% giao dịch trên nền tảng số có hóa đơn điện tử, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý. Tỉnh cũng đặt mục tiêu 60% số xã, đơn vị hành chính có thương nhân tham gia bán hàng trực tuyến; 60% cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp triển khai đào tạo các chuyên ngành liên quan đến thương mại điện tử; hơn 15.000 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân, cán bộ quản lý và sinh viên được đào tạo kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Trịnh Minh Hoàng cho biết, để đạt được các mục tiêu trên, tỉnh triển khai đồng bộ 7 nhóm giải pháp, giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện; trong đó, hoàn thiện thể chế và tăng cường quản lý nhà nước đối với thương mại điện tử được xác định là nhiệm vụ then chốt, tập trung vào các lĩnh vực như thuế, hải quan, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phòng, chống gian lận thương mại và hàng giả trên môi trường số.

Song song đó, tỉnh đẩy mạnh phát triển thị trường thương mại điện tử, ưu tiên hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP trên các nền tảng số; khuyến khích doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử, mở rộng hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến và thương mại điện tử xuyên biên giới.

Tỉnh Khánh Hòa cũng chú trọng đầu tư hạ tầng phục vụ thương mại điện tử, nhất là hạ tầng số, logistics và thanh toán điện tử; ưu tiên phát triển mạng lưới internet tốc độ cao, bảo đảm kết nối rộng khắp, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi. Đồng thời, tỉnh khuyến khích chuyển giao, ứng dụng các công nghệ mới như 5G, tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), thực tế tăng cường (AR), thực tế ảo (VR), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại điện tử.

Trong lĩnh vực logistics, tỉnh tập trung hoàn thiện hệ thống kho bãi, trung tâm phân phối và dịch vụ giao hàng chặng cuối; thúc đẩy các giải pháp logistics xanh, sử dụng năng lượng sạch nhằm giảm thiểu tác động môi trường. Bên cạnh đó, tỉnh xây dựng và khai thác hiệu quả các nền tảng thương mại điện tử cốt lõi như sàn giao dịch, hệ thống dữ liệu và nền tảng quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tham gia giao dịch trực tuyến.

Theo lãnh đạo Ủy ban nhân nhân tỉnh Khánh Hòa, hoạt động liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử sẽ được tăng cường thông qua phối hợp với các địa phương khu vực Duyên hải miền Trung nhằm xây dựng gian hàng chung, tổ chức bán hàng trực tuyến liên vùng, phát triển logistics và đào tạo nguồn nhân lực. Tỉnh cũng tận dụng lợi thế du lịch để thúc đẩy thương mại điện tử trong lĩnh vực dịch vụ, quảng bá sản phẩm du lịch trực tuyến, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Đồng thời, tỉnh Khánh Hòa tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi các chiến lược, giải pháp phát triển thương mại điện tử; tổ chức, tham gia các sự kiện thường niên để kích cầu thị trường trong nước, mở rộng thương mại điện tử xuyên biên giới, tạo môi trường cho doanh nghiệp trình diễn công nghệ mới và mô hình kinh doanh tiên tiến, góp phần hình thành thói quen tiêu dùng số trong xã hội.

Với định hướng rõ ràng và giải pháp đồng bộ, thương mại điện tử được kỳ vọng sẽ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng nền kinh tế số của Khánh Hòa hiện đại, minh bạch và bền vững.

Nguồn: vnanet.vn

ĐỒNG NAI: TĂNG CƯỜNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 30/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ký Quyết định số 1065/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Theo đó, kế hoạch nhằm tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Mục tiêu của kế hoạch nhằm kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

Đối với các mục tiêu cụ thể, giai đoạn 2026 - 2027, tỉnh sẽ kiện toàn tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương được tổ chức

thống nhất, đồng bộ, ổn định; hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực và hiệu quả; sử dụng 100% các nền tảng số quốc gia đã được triển khai và yêu cầu áp dụng tại địa phương; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia…

Giai đoạn 2028 - 2030, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng và cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%, trong đó mức độ hài lòng đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%...

Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 2026 - 2030, bao gồm: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Nguồn: baodongnai.com.vn

BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ - KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM.

Xây dựng chính quyền số trở thành xu hướng tất yếu để nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng dịch vụ công. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu công dân ở quy mô lớn cũng đặt ra yêu cầu về bảo vệ quyền riêng tư. Kinh nghiệm xây dựng chuẩn mực pháp lý từ Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh châu Âu (EU) mang lại những gợi mở tốt để Việt Nam hoàn thiện chính quyền số.

Thực trạng bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số tại Liên minh châu Âu (EU)

Trong tiến trình xây dựng chính quyền số, EU là khu vực dẫn đầu về bảo đảm quyền dữ liệu cá nhân của công dân thông qua việc thiết lập hành lang pháp lý chặt chẽ. Trọng tâm của khung khổ này là Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), được thông qua năm 2016 và chính thức có hiệu lực từ ngày 25/5/2018. Tất cả các nước thành viên của EU và các cơ quan công quyền tham gia vào quá trình số hóa dịch vụ công đều phải thực hiện. GDPR thiết lập hệ thống nguyên tắc xử lý dữ liệu mang tính nền tảng như tính hợp pháp, công bằng và minh bạch, bảo vệ dữ liệu ngay từ khâu thiết kế, cũng như trách nhiệm giải trình của tổ chức xử lý dữ liệu. Quy định này điều chỉnh toàn bộ các hoạt động thu thập, lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân, bao gồm cả dữ liệu do cơ quan nhà nước xử lý qua hệ thống chính quyền điện tử. Đồng thời, GDPR xác lập rõ ràng các quyền của chủ thể dữ liệu, như quyền truy cập, quyền chỉnh sửa, quyền xóa, quyền phản đối, quyền được biết mục đích sử dụng, qua đó tăng cường khả năng kiểm soát của công d

Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Ireland (DPC) đã công bố các quyết định cuối cùng sau hai cuộc điều tra đối với Meta Platforms Ireland Limited (MPIL). Vụ rò rỉ dữ liệu đã ảnh hưởng đến khoảng 29 triệu tài khoản Facebook trên toàn cầu, trong đó khoảng 3 triệu tài khoản có trụ sở tại EU/EEA. DPC đã thực thi quyết định xử lý nghiêm khắc, bao gồm khiển trách và lệnh nộp phạt hành chính với tổng số tiền là 251 triệu euro. Dưới tác động của GDPR, nhiều quốc gia thành viên EU đã triển khai các mô hình chính quyền số gắn chặt với việc bảo đảm quyền dữ liệu của công dân. Tại Đức, các hệ thống hành chính điện tử được thiết kế theo nguyên tắc "bảo vệ dữ liệu ngay từ khâu thiết kế", kèm theo yêu cầu đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu trước khi đưa vào vận hành. Tại Pháp, Ủy ban Quốc gia về Tin học và Tự do (CNIL) giữ vai trò giám sát chặt chẽ đối với các nền tảng dịch vụ công số, nhằm bảo đảm các quyền truy cập, chỉnh sửa và phản đối xử lý dữ liệu của công dân. Trong khi đó, Estonia cho phép người dân theo dõi toàn bộ lịch sử truy cập dữ liệu cá nhân của mình trong hệ thống nhà nước, qua đó tăng cường tính minh bạch và củng cố niềm tin trong môi trường số. Bên cạnh GDPR, EU còn phát triển các chính sách về quyền củacông dân trên không gian số, tiêu biểu là Tuyên bố về Quyền và Nguyên tắc số (European Declaration on Digital Rights and Principles). Văn

kiện này khẳng định công dân phải được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình chuyển đổi số, trong đó quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân được bảo đảm song hành với các quyền cơ bản khác như tự do ngôn luận, bình đẳng và không phân biệt đối xử.

Nguyên tắc then chốt khác trong quản trị chính quyền số tại EU là "Once-Only", theo đó công dân chỉ cần cung cấp thông tin một lần và các cơ quan công quyền có thể tái sử dụng dữ liệu đó trong phạm vi pháp luật cho phép. Quy chuẩn này giúp giảm gánh nặng hành chính cho người dân song vẫn bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu bảo vệ dữ liệu theo GDPR. Mọi hoạt động chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu chỉ được thực hiện khi có cơ sở pháp lý, minh bạch và tôn trọng quyền con người. Sau hơn 6 năm, GDPR cho thấy tác động sâu rộng trong việc nâng cao vai trò và thẩm quyền của các cơ quan bảo vệ dữ liệu quốc gia tại EU. Việc thực thi GDPR đã thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng quản trị các dịch vụ công số, đồng thời yêu cầu các cơ quan nhà nước phải tích hợp bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân ngay từ giai đoạn triển khai.

Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu trong bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thứ nhất, xác lập khuôn khổ pháp lý với Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR)

GDPR xác lập quyền lợi của chủ thể dữ liệu, giúp cá nhân tăng cường khả năng tự quyết và kiểm soát thông tin trong quá trình xử lý. Người dân được quyền sửa đổi, xóa bỏ, phản đối việc sử dụng thông tin hoặc chuyển dịch dữ liệu giữa các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau. Bên cạnh đó, quy định còn nhấn mạnh nghĩa vụ của bên kiểm soát dữ liệu trong việc cung cấp nội dung minh bạch cũng như bảo đảmtính dễ tiếp cận của quy trình xử lý đối với mỗi cá nhân.

Báo cáo đánh giá của Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Châu Âu (EDPB) cho thấy các cơ quan bảo vệ dữ liệu đã tăng cường đáng kể các nỗ lực thực thi. Kể từ khi GDPR được triển khai, các cơ quan chức năng đã banhành hơn 6.680 khoản phạt với tổng số tiền xấp xỉ 4,2 tỷ euro. Cơ quan bảo vệ dữ liệu của Ireland áp đặt tổng số tiền phạt cao nhất với 2,8 tỷ euro, tiếp theo là Luxembourg với 746 triệu euro[(1)].

Thứ hai, vận hành dựa trên các nguyên tắc quản trị cốt lõi

GDPR xây dựng việc bảo vệ dữ liệu cá nhân dựa trên các nguyên tắc nền tảng như: nguyên tắc hợp pháp, công bằng và minh bạch, giảm thiểu dữ liệu, thời hạn lưu trữ, tính chính xác, bảo mật và an toàn, cùng trách nhiệm giải trình của tổ chức xử lý dữ liệu. GDPR quy định chỉ có một quyết định giám sát duy nhất được đưa ra trong các trường hợp xuyên biên giới, khi có sự tham gia của nhiều cơ quan giám sát quốc gia. Nguyên tắc này được gọi là nguyên tắc "một cửa", có nghĩa là một tổ chức có các chi nhánh con ở nhiều quốc gia thành viên sẽ chỉ làm việc với cơ quan bảo vệ dữ liệu ở quốc gia đặt trụ sở chính. Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu châu Âu bảo đảm GDPR được áp dụng đầy đủ, bao gồm các đại diện của 27 cơ quan giám sát độc lập[(2)].

Thứ ba, bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu

GDPR quy định rõ quyền của chủ thể dữ liệu như quyền truy cập, chỉnh sửa, xóa dữ liệu, quyền phản đối, xử lý dữ liệu và quyền được biết mục đích sử dụng dữ liệu. Việc

bảo đảm các quyền này là nền tảng để tạo dựng niềm tin số trong chính quyền điện tử, giúp công dân cảm thấy an tâm hơn khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến[3].

Thứ tư, thiết lập hệ thống cơ quan giám sát độc lập và thực thi nghiêm minh.

EU thiết lập hệ thống cơ quan bảo vệ dữ liệu độc lập (DPAs) ở mỗi nước thành viên để giám sát, phối hợp và thực thi GDPR một cách thống nhất. Mỗi Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu (DPA) thuộc Khu vực Kinh tếchâu Âu (EEA) có trách nhiệm giám sát và thực thi áp dụng GDPR, đồng thời nâng cao nhận thức và hiểu biết của công chúng về các rủi ro, quy tắc, biện pháp bảo vệ và quyền liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân. Nhiệm vụ của DPA còn bao gồm tư vấn cho quốc hội, chính phủ cùng các tổ chức liên quan, giải quyết khiếu nại, điều tra việc tuân thủ và phối hợp chặt chẽ với những đơn vị đồng cấp nhằm bảo đảm khuôn khổ GDPR được áp dụng thống nhất.

Thực tế cho thấy, các hình thức xử phạt và quyết định cưỡng chế của DPAs thể hiện sự nghiêm túc trong bảo vệ quyền dữ liệu.

TikTok bị phạt 530 triệu euro bởi Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu Ireland vì đã chuyển dữ liệu người dùng EU sang Trung Quốc mà không đáp ứng yêu cầu bảo vệ tương đương theo GDPR[4]. LinkedIn bị phạt 310 triệu euro vì xử lý dữ liệu người dùng cho mục đích quảng cáo mà không có cơ sở pháp lý rõ ràng[5]. Clearview AI bị phạt hơn 30 triệu euro bởi Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu Hà Lan vì xây dựng cơ sở dữ liệu sinh trắc học không minh bạch và vi phạm nghiêm trọng quy định bảo vệ dữ liệu. Ngoài ra, Meta cũng liên tục đối mặt với nhiều khoản phạt lớn dưới GDPR, với tổng số tiền gần 3 tỷ euro từ nhiều quyết định xử phạt khác nhau, trong đó có án phạt 251 triệu euro liên quan đến lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng đến 29 triệu người dùng[6]. Những con số và ví dụ cụ thể này không chỉ thể hiện mức độ thực thi nghiêm ngặt của GDPR, mà còn chứng tỏ EU coi trọng việc xử lý dữ liệu cá nhân là một quyền cơ bản không thể xâm phạm, bất kể đối tượng xử lý là doanh nghiệp lớn hay cơ quan công quyền.

Thứ năm, tăng cường hợp tác xuyên quốc gia

GDPR thiết kế cơ chế "one-stop-shop" cho các trường hợp xử lý dữ liệu xuyên biên giới, cho phép DPAs phối hợp điều tra và ra quyết định thống nhất thông qua Ủy ban EDPB. Theo các báo cáo gần đây, cơ chế này ngày càng được sử dụng nhiều, với hàng nghìn trường hợp trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau và tranh luận liên quan đến các tranh chấp xử lý dữ liệu giữa các quốc gia. Tuy vậy, trong bối cảnh số hóa sâu rộng và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ như AI hay nhận diện sinh trắc học, EU tiếp tục phải đối mặt với thách thức cân bằng giữa mở rộng dịch vụ số và bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân, đòi hỏi tiếp tục điều chỉnh quy định để phù hợp với bối cảnh mới.

Thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân trong xây dựng chính quyền số tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hành lang pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh phát triển chính quyền số.

Thứ nhất, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, của Chính phủ, ngày 17/4/2023, về "Bảo vệ dữ liệu cá nhân" là văn bản pháp lý đầu tiên quy định một cách toàn diện về trách nhiệm bảo vệ dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xử lý dữ liệu cá nhân ở cả trong nước và ngoài nước. Văn bản này xác lập các nguyên tắc vận hành chặt chẽ dựa trên sự đồng thuận của chủ thể đồng thời quy định cụ thể nghĩa vụ thông báo và cung cấp hồ sơ cho người dân của bên kiểm soát. Bên cạnh đó, các thực thể liên quan có trách nhiệm triển khai hệ thống giải pháp kỹ thuật bảo mật nhằm ngăn chặn hành vi mua bán trái phép và bảo đảm quy trình khai thác thông tin diễn ra trong thời hạn phù hợp với mục tiêu(7). Chính phủ cũng thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bao gồm xây dựng chiến lược, hướng dẫn biện pháp bảo vệ dữ liệu, tuyên truyền, đào tạo và xử lý vi phạm theo quy định. Mặc dù Nghị định số 13/2023/NĐ-CP đã tạo ra khuôn khổ pháp lý đầu tiên cho bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam, songhệ thống pháp luật hiện nay vẫn còn một số hạn chế trong bối cảnh chính quyền số. Trước khi Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2025 có hiệu lực vào năm 2026, việc quản trị dữ liệu cá nhân ở Việt Nam chủ yếu dựa vào nghị định và các văn bản có liên quan, khiến khung pháp lý chưa thực sự đồng bộ và thiếu tính ổn định lâu dài.

Thứ hai, các quy định về thực thi và giám sát trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP còn phân tán và chưa có cơ quan bảo vệ dữ liệu hoạt động độc lập như mô hình tại EU. Tuy có chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, nhưng việc phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành trong quản lý và giám sát dữ liệu cá nhân vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, tạo ra khoảng trống pháp lý và thực thi ở một số lĩnh vực dịch vụ công số. Bên cạnh đó, việc thu thập và xử lý lượng dữ liệu cá nhân khổng lồ trong các hệ thống chính quyền số cũng là thách thức với cơ quan quản lý. Đồng thời, nguy cơ rò rỉ dữ liệu trong quá trình số hóa dịch vụ công đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về nâng cao các biện pháp kỹ thuật và quản trị để bảo đảm an toàn thông tin.

Như vậy, mặc dù khung pháp lý bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam đã được củng cố với Nghị định số13/2023/NĐ-CP và sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, thì việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế thực thi, xây dựng thiết chế giám sát độc lập và nâng cao nhận thức xã hội vẫn là những nhiệm vụ trọng tâm cần được ưu tiên trong bối cảnh phát triển chính quyền số.

Vận dụng kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu trong bảo vệ dữ liệu tại Việt Nam

Từ kinh nghiệm thực tiễn của EU, có thể rút ra một số giá trị tham khảo cho Việt Nam để góp phần hoàn thiện khuôn khổ bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xây dựng chính quyền số.

Thứ nhất, khung pháp lý thống nhất, toàn diện và đặt quyền con người làm trung tâm. Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) không chỉ tạo ra chuẩn mực cao về bảo vệ dữ liệu cá nhân mà còn thiết lập cơ chế trách nhiệm rõ ràng đối với các chủ thể xử lý dữ liệu, bao gồm cả cơ quan công quyền. Đây là kinh nghiệm quý để tiếp tục hoàn thiện pháp luật, bảo đảm quyền kiểm soát thực chất của công dân đối với dữ liệu cá nhân.

Thứ hai, thiết chế giám sát độc lập và cơ chế thực thi hiệu quả, qua đó bảo đảm các quy định pháp luật không chỉ tồn tại trên văn bản mà được áp dụng một cách nhất quán trong thực tế. Đây là gợi ý tốt để nghiên cứu xây dựng, củng cố cơ chế giám sát chuyên trách, nhằm nâng cao tính khách quan và hiệu lực thực thi trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ ba, trách nhiệm giải trình và chế tài đủ mạnh. GDPR quy định mức xử phạt rất cao đối với các hành vi vi phạm, tạo ra tác dụng răn đe rõ rệt và buộc các tổ chức phải đầu tư nghiêm túc cho việc tuân thủ. Đối với Việt Nam, việc từng bước hoàn thiện cơ chế xử phạt và trách nhiệm pháp lý tương xứng có thể góp phần nâng cao hiệu quả thực thi, đặc biệt trong bối cảnh dữ liệu cá nhân ngày càng được xử lý ở quy mô lớn trong các hệ thống chính quyền số.

Thứ tư, đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu trước khi triển khai các hệ thống xử lý dữ liệu có rủi ro cao. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện sớm các nguy cơ xâm phạm quyền dữ liệu và chủ động điều chỉnh từ giai đoạn triển khai. Đây là giải pháp phù hợp để có thể áp dụng đối với các dự án lớn về chính quyền số, giúp chuyển trọng tâm từ xử lý hậu quả sang phòng ngừa rủi ro.

Thứ năm, nhận thức xã hội và văn hóa tôn trọng quyền dữ liệu. Các chương trình truyền thông, hướng dẫn và giáo dục về quyền dữ liệu cá nhân tại EU đã góp phần nâng cao vai trò chủ động của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đối với Việt Nam, việc tăng cường truyền thông và đào tạo cho cán bộ công quyền và người dân là giải pháp cần thiết để xây dựng niềm tin số, thúc đẩy sự tham gia tích cực của xã hội vào quá trình chuyển đổi số.

Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân là trụ cột trong xây dựng chính quyền số bền vững. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu cho thấy, khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, cơ chế thực thi hiệu quả và tôn trọng quyền công dân là yếu tố quyết định thành công. Đây là tham khảo để chúng ta tiếp tục hoàn thiện pháp luật, góp phần xây dựng chính quyền số lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm quyền con người trong kỷ nguyên số.

Cao Nguyên Hùng - Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

---

(1) Xem: European Data Protection Board (EDPB): *Annual Report 2023/2024* (Tạm dịch: Báo cáo thường niên 2023 - 2024), Brussels, 2024

(2), (3) Xem: European Parliament and Council of the European Union: *General Data Protection Regulation -GDPR* (Tạm dịch: Quy định chung về bảo vệ dữ liệu), 2016

(4) Xem: *Irish Supervisory Authority fines TikTok €530 million and orders corrective measures*, (Tạm dịch: Cơ quan giám sát Ireland phạt TikTok 530 triệu euro và yêu cầu các biện pháp khắc phục), *https://www.edpb.europa.eu/news/news/2025/irish-supervisory-authority-fines-tiktok-eu530-million-and-orders-corrective_en*

(5) Xem: *LinkedIn fined 310 million euros by EU privacy regulator over ad tracking*, (Tạm dịch: LinkedIn bị cơ quan quản lý quyền riêng tư EU phạt 310 triệu euro vì theo dõi quảng cáo), *https://apnews.com/article/6769ae3b83ea0d83cab8d8cfd1fa7e68*

(6) Xem: *EU privacy regulator fines Meta 251 million euros*, (Tạm dịch: Cơ quan quản lý quyền riêng tư EU phạt Meta 251 triệu euro), *https://www.reuters.com/technology/eu-privacy-regulator-fines-meta-251-million-euros-2024-12-17/*

(7) Xem: Nghị định 13/2023/NĐ-CP, của Chính phủ, ngày 17/4/2023, về "Bảo vệ dữ liệu cá nhân", *https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-dinh-13-2023-nd-cp-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-119230516104357809.htm*

PHÂN CẤP RÀNH MẠCH ĐỂ CẤP TỈNH THÔI LÀM THAY, CẤP XÃ BỚT QUÁ TẢI

Trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa XIV, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định mô hình chính quyền địa phương hai cấp là phương thức quản trị địa phương mới, nhằm bỏ tầng nấc trung gian, tổ chức vận hành bộ máy chính quyền cơ sở thông suốt. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh phải xác định đây là một cuộc cải cách về quản trị, chứ không đơn thuần là một sự điều chỉnh về tổ chức bộ máy.

Trao đổi với báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa, Trưởng bộ môn Quản lý công, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, cho rằng để hiện thực hóa mục tiêu này, hệ thống hành chính đòi hỏi một sự chuyển đổi tư duy mạnh mẽ từ quản lý đơn thuần sang quản trị phát triển, bám sát nguyên tắc cốt lõi "cấp tỉnh mạnh về chiến lược, cấp xã mạnh về thực thi".

Sắp xếp bộ máy phải đồng thời thiết kế lại cơ chế phân quyền

Phóng viên: Tổng Bí thư đã định vị việc triển khai chính quyền địa phương hai cấp là một cuộc cải cách về quản trị. Tại sao việc chuyển đổi tư duy này trở nên cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, thưa bà?

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa: Từ phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm có thể thấy tính cấp thiết của sự chuyển đổi này xuất phát từ thực tiễn. Nếu chỉ dừng lại ở tinh gọn tổ chức theo cách cơ học, tức là giảm đầu mối, giảm tầng nấc thì chưa chắc bộ máy đã vận hành hiệu quả hơn.

Thậm chí, nếu không thay đổi cách thức vận hành, rất dễ dẫn đến tình trạng gọn về hình thức nhưng chưa mạnh về thực chất. Trong bối cảnh yêu cầu quản trị ngày càng phức tạp, liên ngành, liên vùng và gắn chặt với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp thì cách tổ chức chỉ là điều kiện cần, còn cách vận hành mới là yếu tố quyết định.

Điểm cốt lõi của cuộc cải cách lần này nằm ở việc chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản trị phát triển. Nghĩa là sắp xếp lại bộ máy phải đồng thời với thiết kế lại cơ chế phân quyền, quy trình xử lý công việc, hệ thống dữ liệu và trách nhiệm giải trình. Khi đó, mô hình hai cấp sẽ giúp giảm tầng trung gian, tạo điều kiện để dòng chảy quyết định và nguồn lực trở nên nhanh hơn, sát thực tiễn hơn.

Ý nghĩa sâu xa hơn của cuộc cải cách là hướng tới xây dựng một nền hành chính phục vụ và kiến tạo, trong đó cấp tỉnh tập trung vào vai trò chiến lược, điều phối, còn cấp xã trở thành cấp trực tiếp giải quyết công việc cho người dân. Nếu làm tốt thì cuộc cải cách này sẽ tái cấu trúc phương thức vận hành của chính quyền địa phương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ xã hội.

Phóng viên: Chìa khóa vận hành của mô hình nằm ở nguyên tắc cấp tỉnh mạnh về chiến lược, cấp xã mạnh về thực thi. Nhìn nhận từ thực tiễn quản lý nhà nước thời gian qua, bà đánh giá nguyên tắc này được vận hành và đạt hiệu quả ra sao?

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa: Nguyên tắc này là định hướng rất đúng, phù hợp với logic quản trị hiện đại. Tuy nhiên, nhìn từ thực tiễn thời gian qua, có thể nói việc vận hành nguyên tắc này mới đạt ở mức bước đầu, chưa thật sự rõ nét và đồng đều giữa các địa phương.

Ở nhiều nơi, cấp tỉnh vẫn có xu hướng sa vào xử lý sự vụ, can thiệp khá sâu vào công việc cụ thể của cấp dưới, trong khi cấp xã lại chưa thực sự đủ điều kiện để phát huy vai trò thực thi. Điều này dẫn đến tình trạng "trên làm thay dưới", còn dưới thì chưa làm được hết việc của mình, khiến hiệu quả phân cấp chưa đạt như kỳ vọng.

Sự phân vai này chưa rõ nét bởi việc phân quyền chưa đi kèm phân bổ nguồn lực tương xứng. Nhiều nơi giao thêm nhiệm vụ cho cấp xã nhưng chưa bảo đảm đầy đủ về nhân sự, ngân sách, hạ tầng và dữ liệu, khiến cấp xã khó thực hiện tốt vai trò.

Cấp tỉnh và cấp xã vẫn chưa tách bạch rõ chức năng giữa hoạch định và thực thi. Trong thực tế, ranh giới giữa "làm chiến lược" và "làm sự vụ" chưa rõ, dẫn đến tình trạng chồng lấn trong xử lý công việc.

Ngoài ra, năng lực và tâm lý của đội ngũ chưa đồng đều. Một bộ phận cán bộ cấp cơ sở còn e ngại trách nhiệm, trong khi cấp trên chưa thực sự mạnh dạn trao quyền, dẫn đến phân cấp chưa đi vào thực chất.

Trao quyền thực chất - chìa khóa của thực thi

Phóng viên: Vậy chúng ta cần những cơ chế phân cấp, ủy quyền đột phá nào để cấp xã chủ động giải quyết ngay các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền, xóa bỏ tâm lý chờ xin ý kiến?

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa: Để hiện thực hóa nguyên tắc này, theo tôi, cần thiết kế các cơ chế phân cấp, ủy quyền theo hướng rõ việc, đủ quyền, gắn trách nhiệm. Trong đó, cần chuyển mạnh sang cơ chế phân cấp theo danh mục việc làm cụ thể. Những công việc gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp như thủ tục hành chính thiết yếu, quản lý trật tự, an sinh xã hội tại địa bàn… nên trao thẩm quyền cho cấp xã, không để tình trạng việc nhỏ cũng phải chờ xin ý kiến.

Mặt khác, phân cấp chỉ thực chất khi cấp xã được bảo đảm nhân sự phù hợp, ngân sách chủ động trong một số khoản chi, quyền tiếp cận và sử dụng dữ liệu, hạ tầng số. Bởi nếu chỉ giao việc mà không giao điều kiện thì cấp xã vẫn phải "xin - chờ".

Ở những lĩnh vực phát sinh theo tình huống, cấp tỉnh có thể ủy quyền rõ ràng, theo phạm vi và thời gian cụ thể, kèm theo tiêu chí kiểm tra, giám sát. Cách làm này vừa tạo chủ động, vừa bảo đảm không buông lỏng quản lý. Đồng thời, đổi mới cơ chế kiểm soát theo hướng hậu kiểm thay vì tiền kiểm. Thay vì phải xin ý kiến trước khi làm, cấp xã được quyền quyết định trong phạm vi được giao và chịu trách nhiệm giải trình sau. Đây là điều kiện quan trọng để xóa bỏ tâm lý e ngại, sợ sai.

Ngoài ra, phân quyền phải gắn với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu. Khi quyền hạn được trao rõ, cần đồng thời xác lập trách nhiệm cụ thể của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, từ đó tạo động lực chủ động, quyết đoán trong xử lý công việc.

Tôi cho rằng chìa khóa không chỉ là giao thêm việc mà là trao quyền thực chất, bảo đảm điều kiện thực thi và thiết kế cơ chế kiểm soát phù hợp. Khi đó, cấp xã mới có thể thực sự giải quyết công việc ngay tại chỗ, thay vì phụ thuộc vào cấp trên.

Từ làm thay sang điều phối

Phóng viên: Ở chiều ngược lại, cấp tỉnh cần những công cụ gì để làm tốt vai trò kiến tạo chiến lược, không sa đà vào xử lý sự vụ?

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa: Để thực sự làm tốt vai trò kiến tạo chiến lược, cấp tỉnh cần đồng thời đổi mới công cụ quản trị và chuyển đổi cách thức lãnh đạo, thay vì tiếp tục điều hành theo lối xử lý sự vụ.

Về công cụ, cấp tỉnh cần được trang bị hệ thống dữ liệu và nền tảng số dùng chung. Hệ thống này cho phép theo dõi, phân tích và dự báo tình hình phát triển theo thời gian thực. Khoa học quản lý công gọi đây là ra quyết định dựa trên bằng chứng và dữ liệu. Khi có dữ liệu tốt, lãnh đạo tỉnh có thể ra quyết định mang tính chiến lược.

Công cụ lập quy hoạch và quản trị phát triển tích hợp giúp kết nối giữa quy hoạch không gian, đầu tư công và phân bổ nguồn lực. Hệ thống chỉ số đánh giá theo kết quả (KPI) gắn với địa bàn và lĩnh vực sẽ giám sát hiệu quả thực thi của cấp dưới. Điều này giúp lãnh đạo quản lý tốt mà không cần can thiệp trực tiếp vào từng công việc cụ thể.

Về phương thức lãnh đạo, cần có sự chuyển đổi rõ rệt từ làm thay sang định hướng và điều phối. Cấp tỉnh tập trung vào chiến lược, chính sách, phân bổ nguồn lực và kiểm soát rủi ro. Cấp này không đi sâu xử lý sự vụ cụ thể của cấp xã, đồng thời chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm và giám sát.

Cấp tỉnh trao quyền cho cấp dưới quyết định trong phạm vi được giao, giữ vai trò kiểm tra và đánh giá kết quả. Qua đó, bộ máy chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị dựa trên kết quả và dữ liệu. Hiệu quả phát triển, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được xác định là thước đo chính.

Phóng viên: Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh giao quyền đến đâu phải bảo đảm nguồn lực đến đó nhưng có thực tế cán bộ cấp cơ sở đang đối mặt với tình trạng quá tải.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Hòa: Như tôi nói ở trên, thực tế có tình trạng giao việc nhiều nhưng nguồn lực ở cấp cơ sở chưa tương xứng. Để giải quyết dứt điểm, theo tôi cần tiếp cận theo hướng tái thiết kế cách vận hành chứ không chỉ bổ sung thêm biên chế.

Cụ thể, các đơn vị cần rà soát chức năng, nhiệm vụ theo hướng tinh gọn thực chất; mạnh dạn cắt giảm, tích hợp những đầu việc không còn phù hợp; đồng thời chuẩn hóa và số hóa quy trình công vụ. Khi quy trình được đơn giản hóa và số hóa, khối lượng công việc thực tế sẽ giảm đáng kể, cho phép ít người nhưng làm được nhiều việc hơn.

Song song đó, cơ quan chức năng cần thiết kế lại cơ chế phân bổ và sử dụng nhân lực. Thay vì bố trí cứng theo từng đơn vị, có thể tính đến các mô hình dùng chung nguồn nhân lực theo cụm địa bàn hoặc theo lĩnh vực chuyên môn như đất đai, xây dựng, công nghệ thông tin…

Tôi cho rằng đã đến lúc tính đến mô hình "chính quyền cơ sở linh hoạt", cho phép không tổ chức cứng nhắc theo một khuôn mẫu duy nhất. Cơ sở được quyền điều chỉnh nhân lực, chức năng, cách thức vận hành theo đặc thù đô thị hoặc nông thôn hoặc theo quy mô dân số, kết hợp giữa bộ máy chính thức và các thiết chế hỗ trợ như công nghệ, dịch vụ công, chuyên gia…

Nguồn: plo.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW QUA GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP FDI: NIỀM TIN VÀ GẮN KẾT

Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị không chỉ định vị lại vai trò của kinh tế nhà nước trong giai đoạn phát triển mới, mà quan trọng hơn, đã tạo ra một khuôn khổ vận hành minh bạch, ổn định và có khả năng dự báo - những yếu tố then chốt đối với quyết định đầu tư dài hạn của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Từ góc nhìn doanh nghiệp quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày không đơn thuần là một định hướng về khu vực kinh tế nhà nước, mà là một thiết kế lại hệ sinh thái phát triển theo hướng liên kết, dẫn dắt và cùng kiến tạo giá trị giữa các thành phần kinh tế.

AstraZeneca: Từ "quản lý" sang "quản trị" - nền tảng cho hệ sinh thái R&D đạt chuẩn quốc tế

Trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, ông Atul Tandon, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc AstraZeneca Việt Nam cho rằng, điểm đột phá trong các định hướng như Nghị quyết số 79-NQ/TW là chuyển dịch từ "quản lý" sang "quản trị" hiện đại, tiệm cận thông lệ quốc tế.

"AstraZeneca đánh giá cao những nỗ lực cải cách mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua nhằm xây dựng một nền kinh tế ổn định, hội nhập và hướng tới phát triển bền vững, đồng thời đặt chăm sóc sức khỏe toàn dân ở vị trí ưu tiên thông qua nhiều thay đổi tích cực trong chính sách và quản trị hệ thống y tế", ông Atul Tandon nói.

Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm và nghiên cứu lâm sàng, sự chuyển đổi này không chỉ mang tính khái niệm, mà có tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư. Một hệ thống y tế công có năng lực, vận hành theo chuẩn mực quốc tế và bảo đảm tính minh bạch sẽ là điều kiện tiên quyết để triển khai các hoạt động R&D quy mô lớn.

Trên thực tế, AstraZeneca đã có hơn 30 năm đồng hành cùng hệ thống y tế Việt Nam, từ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sản xuất thuốc trong nước đến đóng góp hơn 72 triệu liều vaccine COVID-19. AstraZeneca là đơn vị tiên phong và dẫn đầu trong lĩnh vực nghiên cứu lâm sàng tại Việt Nam, hiện đang triển khai 78 thử nghiệm, với gần 9.000 bệnh nhân tham gia tại 59 bệnh viện.

Theo ông Tandon, Nghị quyết số 79-NQ/TW củng cố niềm tin chiến lược của AstraZeneca khi cân nhắc mở rộng thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 2026 - 2030, vì Nghị quyết

nhấn mạnh hai điều kiện cốt lõi cho R&D: một hệ thống y tế công có nội lực và năng lực quản trị đủ mạnh để triển khai nghiên cứu theo chuẩn mực, và định hướng hội nhập quốc tế để tiệm cận quy chuẩn toàn cầu về chất lượng và minh bạch.

Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng này, doanh nghiệp kỳ vọng các định hướng chính sách sẽ sớm được cụ thể hóa thành những cải thiện rõ ràng trong thực thi, như rút ngắn và chuẩn hóa quy trình phê duyệt, nâng cao năng lực vận hành tại các cơ sở nghiên cứu, tăng hiệu quả giám sát chất lượng.

Trên nền tảng đó, AstraZeneca luôn sẵn sàng phối hợp với các cơ quan quản lý, bệnh viện và trung tâm nghiên cứu để cùng nâng cao năng lực thử nghiệm lâm sàng tại Việt Nam, ông Atul Tandon cho biết.

De Heus: "Không gian phát triển rõ ràng" – điều kiện để FDI gắn bó dài hạn

Ở góc nhìn về môi trường đầu tư, trao đổi với Báo điện tử Chính phủ, ông Johan van den Ban, Tổng Giám đốc De Heus Việt Nam và châu Á đánh giá Nghị quyết số 79-NQ/TW đã thể hiện một tư duy mới: không đặt kinh tế nhà nước trong sự tách biệt, mà trong vai trò liên kết và dẫn dắt toàn hệ sinh thái kinh tế.

"Nghị quyết số 79-NQ/TW thể hiện một tầm nhìn chiến lược toàn diện và dài hạn của Việt Nam trong việc phát huy vai trò nòng cốt của kinh tế nhà nước, đồng thời kiến tạo một không gian phát triển hài hòa cho tất cả các thành phần kinh tế trong một hệ sinh thái chung. Điểm đáng chú ý của Nghị quyết là không đặt kinh tế nhà nước trong sự tách biệt, mà nhấn mạnh vai trò liên kết, dẫn dắt và tạo động lực lan tỏa đối với khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài", ông Johan van den Ban bày tỏ.

Việc xác lập rõ hơn "không gian phát triển" của kinh tế nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt và thiết yếu, không làm thu hẹp cơ hội của các thành phần kinh tế khác, mà ngược lại, tạo ra khuôn khổ ổn định, minh bạch để doanh nghiệp FDI yên tâm hoạch định đầu tư dài hạn.

Khi vai trò và phạm vi hoạt động của kinh tế nhà nước được định vị rõ ràng, doanh nghiệp FDI như De Heus có thể dự báo tốt hơn định hướng chính sách, nhận diện các lĩnh vực ưu tiên của quốc gia, từ đó chủ động xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp, bền vững và gắn bó lâu dài với Việt Nam.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và chăn nuôi – nơi có sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, hạ tầng, logistics và thị trường, vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp nhà nước ở những khâu nền tảng sẽ góp phần tạo lập môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp FDI phát huy thế mạnh về công nghệ, quản trị và kinh nghiệm quốc tế. Qua đó, các thành phần kinh tế có thể bổ trợ cho nhau, cùng đóng góp vào mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Một trong những thông điệp rất rõ nét của Nghị quyết số 79-NQ/TW là quyết tâm xóa bỏ rào cản, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đối với cộng đồng doanh nghiệp FDI, đây là tín hiệu hết sức tích cực, bởi nó không chỉ củng cố niềm tin của nhà đầu tư mà còn mở rộng thực chất cơ hội tiếp cận các

nguồn lực chiến lược, như đất đai, hạ tầng, công nghệ và dữ liệu, trên cơ sở cạnh tranh công bằng.

Đặc biệt, Nghị quyết tạo điều kiện để doanh nghiệp FDI tham gia sâu hơn vào các chương trình, dự án mang tính nền tảng, thông qua hợp tác với các định chế kinh tế nhà nước lớn. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp FDI không chỉ đóng vai trò là nhà đầu tư hay nhà cung cấp giải pháp mà còn trở thành đối tác cùng đồng hành, cùng kiến tạo giá trị với khu vực kinh tế nhà nước trong quá trình phát triển.

Đối với De Heus, đây chính là động lực quan trọng để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi xanh và chuyển đổi số trong nông nghiệp tại Việt Nam. Thông qua việc ứng dụng khoa học dinh dưỡng, công nghệ chăn nuôi hiện đại và các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, chúng tôi tin rằng có thể cùng các đối tác trong nước góp phần xây dựng những mô hình sản xuất hiệu quả hơn, bền vững hơn và thân thiện hơn với môi trường.

De Heus đặc biệt kỳ vọng các mô hình hợp tác công – tư (PPP) sẽ tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ trong thời gian tới, nhất là trong các lĩnh vực như phát triển hạ tầng nông nghiệp, chuỗi giá trị chăn nuôi bền vững, năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn. Đây không chỉ là cơ hội cho doanh nghiệp, mà còn là giải pháp quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu lớn của Việt Nam về tăng trưởng xanh, an ninh lương thực và phát triển nông nghiệp hiện đại, với sự tham gia và đóng góp tích cực của tất cả các thành phần kinh tế.

Từ các ý kiến của doanh nghiệp FDI, có thể thấy Nghị quyết số 79-NQ/TW không chỉ là một văn kiện về kinh tế nhà nước, mà đang được cộng đồng doanh nghiệp quốc tế nhìn nhận như một tín hiệu chiến lược về chất lượng thể chế và định hướng phát triển dài hạn của Việt Nam.

Nguồn: baochinhphu.vn

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW: CÔNG NGHỆ SỐ RÚT NGẮN KHOẢNG CÁCH

Chuyển đổi số đang hiện diện rõ nét trong từng giao dịch hành chính, từng thao tác của người dân và doanh nghiệp từ khi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đi vào cuộc sống. Từ những giải pháp công nghệ phục vụ quản trị đô thị đến các dịch vụ công trực tuyến tại cấp cơ sở, công nghệ số đang từng bước rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và doanh nghiệp.

***Từ hướng tiếp cận mới trong quản trị**

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng mới. Theo Tổng Bí thư, vẫn còn rất nhiều việc phải làm; trong đó cần chuyển mạnh từ "triển khai nhiệm vụ" sang "tạo ra kết quả thực chất, đo lường được"; từ cách làm phân tán sang tập trung nguồn lực giải quyết những bài toán lớn mang tính chiến lược.

Tổng Bí thư Tô Lâm cũng yêu cầu việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phải được thực hiện quyết liệt, bài bản và hiệu quả hơn, mỗi nhiệm vụ phải gắn với kết quả cụ thể. Năm 2026 được xác định là năm "Hành động đột phá, lan tỏa kết quả", đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành phải xác định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Những định hướng này đang tạo nền tảng quan trọng để chuyển đổi số đi vào đời sống, trở thành động lực thực sự cho phát triển.

Trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, một trong những điểm nhấn đáng chú ý là sự tham gia ngày càng sâu rộng của doanh nghiệp công nghệ trong việc cung cấp giải pháp cho khu vực công. Việc Công ty cổ phần Công nghệ CTECh (thuộc Tập đoàn SGroup Việt Nam) được vinh danh tại Giải thưởng Sao Khuê 2025 là một minh chứng rõ nét. Vượt qua hơn 500 đề cử, sản phẩm CGIS Urban của doanh nghiệp này đã được đánh giá cao trong nhóm giải pháp chuyển đổi số chính quyền - chính phủ. Đây là nền tảng tích hợp dữ liệu không gian và quản trị thông minh, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quy hoạch, điều hành, giám sát và ra quyết định trong quản lý đô thị hiện đại. Không chỉ là một công cụ kỹ thuật, CGIS Urban còn cho thấy hướng tiếp cận mới trong quản trị - nơi dữ liệu trở thành nền tảng cốt lõi cho việc ra quyết định nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

Tuy nhiên, theo Tiến sĩ Hán Minh Cường, Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng AIST, Chủ tịch SGroup Việt Nam, công nghệ chỉ là điều kiện cần. Yếu tố quyết định vẫn là tư duy quản trị. Ông nhấn mạnh, điều quan trọng hơn cả là phải lấy người sử dụng làm trung tâm, để công nghệ thực sự giúp đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý và hỗ trợ hiệu quả công việc hằng ngày của cán bộ cũng như người dân.

Quan điểm này đã xác định đúng với tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW, coi chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là những động lực then chốt để đổi mới mô hình tăng trưởng. Theo đó, công nghệ không chỉ phục vụ quản lý mà còn phải hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ, tạo ra giá trị thực chất cho xã hội.

***Đến những chuyển biến lớn trong chính sách số hóa**

Trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang được triển khai, khối lượng công việc tại cấp xã, phường tăng lên đáng kể. Trước áp lực đó, công nghệ số đã trở thành "trợ lực" quan trọng, giúp giảm tải công việc và nâng cao hiệu quả quản lý.

Việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cùng các hệ thống số liên thông đã giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý hồ sơ. Những công việc trước đây cần xác minh thủ công, mất nhiều thời gian và công sức, nay có thể thực hiện nhanh chóng trên môi trường số.

Tại bộ phận một cửa, quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ đã có sự thay đổi rõ rệt. Hồ sơ được số hóa, cập nhật liên tục trên hệ thống giúp hạn chế sai sót và tăng tính minh bạch. Người dân có thể theo dõi tiến độ xử lý, không còn phải đi lại nhiều lần hay chờ đợi trong thời gian dài.

Chị Phạm Thùy Liên, một người dân tại Hưng Yên cho biết việc chuyển sang hồ sơ điện tử giúp chị chủ động hơn trong quá trình làm thủ tục. Thay vì phải chuẩn bị nhiều giấy tờ và đi lại nhiều lần, chị có thể thực hiện phần lớn các bước trên môi trường trực tuyến.

Là chủ một doanh nghiệp nhỏ, chị Ngô Thị Luyên ở phường Võ Cường, Bắc Ninh cũng đánh giá cao việc chứng thực điện tử. Theo chị, việc thay thế công chứng giấy bằng hình thức số không chỉ giúp lưu trữ hồ sơ thuận tiện mà còn hỗ trợ hiệu quả cho các giao dịch liên quan đến đối tác nước ngoài.

Mô hình trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đang cho thấy hiệu quả rõ rệt. Tại xã Lạng Giang (Bắc Ninh), trung tâm phục vụ hành chính công được tổ chức bài bản với nhiều khu chức năng, từ tiếp đón, tra cứu thông tin đến số hóa hồ sơ và xử lý nghiệp vụ.

Đội ngũ cán bộ được phân công theo từng lĩnh vực chuyên môn, giúp nâng cao tính chuyên sâu trong giải quyết công việc. Mỗi ngày, trung tâm tiếp nhận hàng trăm hồ sơ; trong đó lĩnh vực tư pháp - hộ tịch chiếm tỷ trọng lớn. Nhờ áp dụng quy trình khoa học và công nghệ hỗ trợ, việc xử lý hồ sơ được thực hiện nhanh chóng, hạn chế tình trạng ùn ứ.

Theo ông Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lạng Giang, việc xây dựng quy trình nội bộ và ứng dụng công nghệ đã giúp bảo đảm việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đúng quy định, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ.

Không chỉ người dân trong nước, người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam cũng cảm nhận rõ những thay đổi tích cực. Từ góc nhìn của người đã gắn bó với Việt Nam hơn 10 năm, ông Jeong Young Oh, Hiệu trưởng Hệ thống Trường liên cấp quốc tế KGS cho biết, ông cảm nhận rõ những chuyển biến tích cực của Việt Nam, đặc biệt là trong ứng dụng công nghệ số.

Ông Jeong Young Oh chia sẻ, trong những năm gần đây, nhờ những chuyển biến lớn trong chính sách số hóa, tốc độ phát triển của Việt Nam ngày càng được đẩy nhanh. Mỗi khi đến sân bay hay những địa điểm tương tự càng cảm nhận rõ điều đó qua thực tế, chỉ cần xuất trình vé điện tử và VneID trên mobile là có thể lên máy bay mà không cần phải chìa bản giấy như cách đây vài năm.

Với những định hướng rõ ràng từ Nghị quyết số 57-NQ/TW và quyết tâm của cả hệ thống chính trị, chuyển đổi số đang mở ra không gian phát triển mới cho nền hành chính hiện đại. Ứng dụng công nghệ đang thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền - người dân và doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu xây dựng một nền hành chính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả và thực sự vì nhân dân phục vụ.

Nguồn: bnews.vn

THỂ CHẾ PHẢI LÀ NGUỒN LỰC CHO MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG

Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa XIV đã khẳng định, mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số là đòi hỏi khách quan, xuất phát từ yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Thể chế được xác định là đột phá của đột phá.

Vì vậy, việc xây dựng hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, bao gồm xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật phục vụ kiến tạo phát triển, thúc đẩy tăng trưởng hai con số là nhiệm vụ trọng tâm.

Theo Thứ trưởng Tư pháp Nguyễn Thanh Tú, để thể chế là nguồn lực, là nền tảng vững chắc hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số, những vấn đề pháp lý đang tác động trực tiếp đến tăng trưởng hai con số cần được nhận diện thẳng thắn đi kèm với các giải pháp hoàn thiện từ khâu thiết kế đến thực thi chính sách trong thời gian tới.

Nhận diện thẳng các điểm nghẽn thể chế

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và một số địa phương cho rằng, "rào cản" thể chế hiện nay không nằm ở việc thiếu luật, mà chủ yếu nằm ở chất lượng quy định, sự chồng chéo giữa các luật và nhất là khâu thực thi. Hiện tại, vẫn còn tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, xung đột giữa các văn bản luật và các văn bản dưới luật, thậm chí giữa các văn bản hướng dẫn với nhau. Vẫn còn nhiều chính sách đang bị "nghẽn theo chuỗi", gây khó khăn, ách tắc trong quá trình triển khai. Minh chứng rõ nét nhất đó là sự chồng chéo trong thực hiện chính sách của Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Đất đai, Xây dựng và Bảo vệ môi trường… Những điểm vướng mắc từ chính sách gây khó khăn cho việc thực hiện pháp luật và thi hành pháp luật của doanh nghiệp, thậm chí làm lỡ cơ hội đầu tư, gia tăng chi phí và mức độ rủi ro đối với hoạt động kinh doanh.

Là một tập đoàn đang được Thành phố Hồ Chí Minh giao nghiên cứu, đề xuất đầu tư tuyến đường sắt hàng hóa từ phía bắc (tỉnh Bình Dương cũ) đến phía nam Thành phố Hồ Chí Minh (Vũng Tàu cũ), theo ông Nguyễn Hoàn Vũ, Tổng Giám đốc Tập đoàn Becamex, việc triển khai sẽ gặp vướng mắc vì việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị (metro) chỉ áp dụng riêng cho thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 188/2025/QH15).

Ông Nguyễn Hoàn Vũ cho biết, về mặt địa hình thì hướng tuyến giao thông (cả đường bộ và đường sắt) chạy từ phía bắc xuống phía nam Thành phố Hồ Chí Minh phải đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai. Mặt khác, tuyến đường sắt đô thị phải qua địa bàn tỉnh Đồng Nai mới kết nối được với hệ thống sân bay Long Thành, tạo thành chuỗi kết nối hệ thống logistics. "Cần cho phép áp dụng các chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 188/2025/QH15 mở rộng ra, gồm thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng giao thông, kết nối vùng", Tổng Giám đốc Tập đoàn Becamex kiến nghị. Bên cạnh đó, cần cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính đối với dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, phân cấp mạnh mẽ hơn, giao quyền cho Chính phủ, các bộ hoặc địa phương trong việc quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đối với các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm cần triển khai cấp bách.

Thực tiễn triển khai tại Hải Phòng và một số địa phương cho thấy một góc khác của việc thực thi chính sách pháp luật về đấu thầu và lựa chọn nhà đầu tư. Theo đại diện Sở Tư pháp Hải Phòng Trần Đức Huấn, đối với các dự án quy mô lớn, yêu cầu công nghệ cao hoặc có tính cấp bách về tiến độ còn nhiều vướng mắc, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của địa

phương. Quy trình, thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư hiện nay còn phức tạp, kéo dài qua nhiều bước, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thu hút đầu tư, làm chậm quá trình triển khai các dự án hạ tầng, đô thị, công nghiệp; hạn chế khả năng hình thành các động lực tăng trưởng mới, qua đó tác động đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của thành phố này.

Một thực trạng nữa trong quá trình thực thi chính sách đó là "mỗi địa phương làm một kiểu", cùng một quy định nhưng cách hiểu và vận dụng khác nhau. Theo khảo sát của Bộ Tư pháp, có đến 60% những vướng mắc, bất cập là từ việc thực thi chứ không hoàn toàn do văn bản, chính sách.

Bảo đảm chính sách được thực thi hiệu quả

Đại diện của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho rằng, chìa khóa để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số chính là chất lượng, tính ổn định và hiệu quả thực thi của hệ thống pháp luật hiện hành với những văn bản, chính sách rõ ràng, được thực thi thống nhất và dự đoán được. Đặc biệt phải bảo đảm tính ổn định và khả năng dự báo của chính sách để các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài (FDI) yên tâm lập kế hoạch dài hạn. Theo đó, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kiến nghị Bộ Tư pháp rà soát pháp luật theo chuỗi giá trị và chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp thay vì rà soát riêng lẻ từng đạo luật để tháo gỡ sự chồng chéo giữa các chính sách đầu tư, đất đai, xây dựng, đấu thầu...

Theo đại diện Sở Tư pháp Ninh Bình, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cần đổi mới việc lấy ý kiến góp ý, phản biện chính sách và pháp luật một cách thực chất, thu hút sự tham gia sâu của các chuyên gia, doanh nghiệp và người dân ngay từ khâu xây dựng chính sách. Tập trung lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của chính sách nhằm bảo đảm tính khả thi, hạn chế tình trạng "tạm ngừng thực thi chờ hướng dẫn mới" hoặc sửa đổi, bổ sung liên tục. Cùng với đó, cần sớm nghiên cứu, xây dựng Luật về tổ chức thi hành pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cơ bản, vững chắc để nâng cao vai trò của công tác tổ chức thi hành pháp luật. Bảo đảm đánh giá tác động chính sách không còn mang tính hình thức, mọi đề xuất chính sách mới phải lượng hóa được chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Việc thẩm định đánh giá tác động cần giao cho đơn vị độc lập thực hiện để bảo đảm tính khách quan, tránh xung đột lợi ích.

Để thể chế trở thành nguồn lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số thì hiệu quả của hệ thống pháp luật cần được lượng hóa bằng các chỉ số cụ thể, có thể đo đếm được, cơ chế thực thi phải "thông suốt", minh bạch, qua đó giải quyết dứt điểm các tồn đọng, vướng mắc thay vì chỉ dừng lại ở việc thực hiện đúng quy trình nhưng vẫn "tắc" như hiện nay.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ. Trong đó, đáng chú ý là các chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ.

Nghị định gồm 8 chương, 69 điều quy định chi tiết một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/Qh15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 về: thẩm định công nghệ; danh mục công nghệ, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ; biện pháp hỗ trợ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thẩm định công nghệ; chuyển giao công nghệ; biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, kiểm tra, giám sát công nghệ dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

Về chính sách hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ, Nghị định quy định 4 hình thức hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

Điều kiện đối với doanh nghiệp được hỗ trợ:

a) Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

Hình thức hỗ trợ:

Các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện nêu trên được hỗ trợ thông qua chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể:

Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, đặc biệt là cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo các hình thức sau đây:

a) Hợp tác phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ để hình thành sản phẩm mẫu, tổ chức thử nghiệm, trình diễn, kiểm nghiệm công nghệ; hiệu chỉnh và làm chủ công nghệ, dây chuyền sản xuất, quy trình kỹ thuật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp;

b) Hợp tác chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; hình thành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ dựa trên công nghệ; tổ chức hoạt động ươm tạo, tăng tốc doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng chung nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: đặt hàng đào tạo nhân lực công nghệ; trao đổi chuyên gia giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu; bố trí sinh viên, nghiên cứu viên, kỹ sư thực tập, làm việc trong doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ nghiên cứu, đổi mới công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu phát triển, quản trị công nghệ, quản trị đổi mới sáng tạo và phát triển mô hình kinh doanh mới;

d) Hợp tác công - tư trong đầu tư, quản lý vận hành phòng thí nghiệm, cơ sở kỹ thuật, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, không gian thử nghiệm, trình diễn công nghệ, nền tảng số và cơ sở dữ liệu phục vụ ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan;

đ) Hợp tác khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin về công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, nhu cầu công nghệ, chuyên gia công nghệ thông qua nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và các hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật;

e) Hợp tác xây dựng và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển mạng lưới chuyên gia; tổ chức hội thảo, diễn đàn, sự kiện thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hình thức hợp tác ưu tiên xem xét áp dụng các biện pháp hỗ trợ sau đây:

a) Được hỗ trợ theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Được ưu tiên xem xét, đặt hàng, giao trực tiếp, tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Được ưu tiên sử dụng, khai thác dịch vụ của phòng thí nghiệm, cơ sở kỹ thuật, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, không gian thử nghiệm, trình diễn công nghệ, nền tảng số và cơ sở dữ liệu;

d) Được ưu tiên xem xét hỗ trợ thông qua Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

đ) Được ưu tiên tham gia, nhận hỗ trợ theo quy định tại Điều 53 và Điều 54 của Nghị định này và pháp luật có liên quan; tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo, sự kiện, diễn đàn trong nước và quốc tế về công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

e) Được ưu tiên xem xét tôn vinh, khen thưởng, ghi nhận thành tích về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

Kinh phí thực hiện các biện pháp hỗ trợ được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ

Nghị định quy định tổ chức, doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: bên chuyển giao công nghệ, bên nhận chuyển giao công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

Các đối tượng này được ưu tiên xem xét hỗ trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ phát triển mạng lưới tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh

Nghị định quy định mạng lưới các tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 35 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15 được ưu tiên đầu tư xây dựng và phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước dành cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc hỗ trợ các hoạt động phát triển mạng lưới được thực hiện thông qua một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Thông qua các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Giao nhiệm vụ, đặt hàng các tổ chức trong mạng lưới phối hợp thực hiện hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp;

c) Tổ chức, hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ, diễn đàn, mạng lưới liên kết giữa các tổ chức hỗ trợ và doanh nghiệp;

d) Ưu tiên kết nối, tham gia các nền tảng, chương trình, mạng lưới trong nước và quốc tế phục vụ hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe. Trong đó, đáng chú ý là các quy định về tiêu chuẩn và quy trình cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15 về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, gồm: hình thức đào tạo lái xe khác; điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe; điều kiện kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe của trung tâm sát hạch lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe

Về tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe, Điều 10 của Nghị định quy định như sau:

1. Giáo viên dạy lý thuyết đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành pháp luật hoặc ô tô chiếm 30% trở lên;

b) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên.

2. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc bằng nghề trở lên;

b) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo;

c) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên;

d) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình khung quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

c) Văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe

Cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe.

Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này và bảo đảm tiêu chuẩn, thành phần hồ sơ đối với người tham dự tập huấn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 1 nêu trên;

b) Kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này và hồ sơ của cá nhân tham dự tập

huấn quy định tại khoản 1 nêu trên gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe) phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe), phải tổ chức kiểm tra, đánh giá theo quy trình quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cá nhân không đạt kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải đăng tải kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

Trường hợp cá nhân đạt kết quả kiểm tra, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeiD, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026; bãi bỏ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

Quy định chuyển tiếp

Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng theo thời hạn của giấy phép với các hạng xe đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

Trường hợp cấp lại, cấp mới (chuyển đổi hạng đào tạo) giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho người có giấy phép lái xe cấp trước ngày Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 có hiệu lực, thì chuyển đổi sang hạng đào tạo tương ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và phù hợp với hạng Giấy phép lái xe hiện đang sử dụng.

Người có bằng Trung cấp sư phạm cấp trước ngày Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 có hiệu lực thi hành được công nhận đáp ứng yêu cầu văn bằng về trình độ sư phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy phép sát hạch, chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đã nộp tại cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ

quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, hạng xe được phép đào tạo và sát hạch tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG 10.000 GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ngày 31/3/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng ký Quyết định số 525/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030 (gọi tắt là Chương trình).

Mục tiêu của Chương trình nhằm hình thành và phát triển đội ngũ giám đốc điều hành của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân có trình độ, năng lực quản trị hiện đại, tư duy chiến lược, có bản lĩnh, trí tuệ, năng động, sáng tạo, có tầm nhìn, đạo đức, văn hoá kinh doanh, thượng tôn pháp luật, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội; có năng lực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, dẫn dắt doanh nghiệp phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mục tiêu 100% học viên sau đào tạo có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn doanh nghiệp

Phấn đấu đến năm 2030, đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên toàn quốc, trong đó tối thiểu 25% học viên là nữ.

Đạt 100% học viên hoàn thành khóa đào tạo có khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại vào thực tiễn doanh nghiệp, có khả năng dẫn dắt chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật.

Đồng thời, hình thành và phát triển mạng lưới cựu học viên; tổ chức các Diễn đàn giám đốc điều hành; phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo giám đốc điều hành uy tín trong và ngoài nước.

Đối tượng thụ hưởng là các học viên đến từ doanh nghiệp, công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân: Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; thành viên hợp danh của công ty; Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc; giám đốc, phó giám đốc; giám đốc chuyên môn, phó giám đốc chuyên môn; chủ doanh nghiệp tư nhân; Trưởng, phó các phòng, ban, bộ phận chuyên môn; trưởng, phó các tổ, đội sản xuất; cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty…

Học viên được ngân sách nhà nước hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo

Theo phê duyệt, Chương trình gồm các nội dung sau:

1. Học viên được ngân sách nhà nước hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo theo hình thức trực tiếp, hình thức trực tuyến (qua công cụ trực tuyến có sẵn hoặc qua Hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning) hoặc hình thức kết hợp (kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến) với nội dung đào tạo phù hợp với Nội dung cơ bản của khóa đào tạo 10.000 giám đốc điều hành quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; học viên được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo.

Các khóa đào tạo giám đốc điều hành bao gồm: Khóa đào tạo lãnh đạo cấp chiến lược; khóa đào tạo Giám đốc điều hành; khóa đào tạo Giám đốc chuyên môn; khóa đào tạo quản trị kinh doanh thực chiến (Mini MBA); khóa đào tạo lãnh đạo kế cận (Next Gen CEO).

Thời gian đào tạo: trong khoảng từ 30-90 ngày tùy từng khóa đào tạo.

2. Việc hỗ trợ đào tạo giám đốc điều hành thông qua Phiếu học bổng hoặc tổ chức khóa đào tạo hoặc qua Hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning.

3. Học viên hoàn thành khóa đào tạo được cơ quan hỗ trợ lựa chọn tham gia các chương trình hỗ trợ sau: Chương trình phòng thí nghiệm lãnh đạo (CEO Lab); chương trình sẵn sàng CEO; chương trình trò chuyện doanh nhân (CEO Talk).

4. Thực hiện truyền thông sâu, rộng về Chương trình hướng tới hình thành phong trào phát triển lãnh đạo doanh nghiệp. Xây dựng chuyên mục giới thiệu về các khóa đào tạo, câu chuyện thành công, các điển hình tốt, doanh nhân tiêu biểu, doanh nghiệp học tập trên các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo chí, truyền hình, nền tảng số.

Tổ chức Diễn đàn giám đốc điều hành (CEO Forum) để chia sẻ, nhân rộng, tôn vinh, biểu dương các doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu. Xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới cựu học viên (CEO Alumni) để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kết nối kinh doanh, truyền cảm hứng, giúp doanh nghiệp đổi mới và phát triển.

Tổ chức tôn vinh, biểu dương các giám đốc điều hành, giảng viên, huấn luyện viên, cố vấn xuất sắc, các doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho Chương trình nhằm lan toả tác động của Chương trình.

Hợp tác với các cơ quan phát triển, tổ chức quốc tế nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ

5. Chủ động hợp tác với các cơ quan phát triển, tổ chức quốc tế nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, chuyên gia để xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình.

Đẩy mạnh liên kết với các viện, trường, cơ sở đào tạo quốc tế uy tín để thiết lập quan hệ hợp tác, chuyển giao công nghệ và chương trình đào tạo; tổ chức các khóa học liên kết, chương trình đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ đồng thương hiệu; huy động giảng viên, giám đốc điều hành, chuyên gia kinh tế, doanh nhân nước ngoài tham gia giảng dạy, huấn luyện và cố vấn trực tiếp cho học viên.

Đồng thời, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, chuyên gia tư vấn các chuyên đề về kinh doanh bền vững, tăng trưởng xanh, các xu thế kinh doanh mới nhất trên thế giới. Tổ chức các chương trình hội nghị, hội thảo, tham quan, giao lưu, học tập thực tế tại các doanh nghiệp nước ngoài để tăng cường trao đổi kinh nghiệm, học viên, giảng viên.

6. Việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình được thực hiện xuyên suốt, bảo đảm khách quan, minh bạch và gắn với kết quả đầu ra. Kết hợp giữa giám sát nội bộ và đánh giá độc lập; giữa đánh giá định lượng và định tính.

Thực hiện đánh giá hằng năm, giữa kỳ và cuối kỳ việc triển khai Chương trình trên cơ sở thống nhất quy trình thu thập, quản lý và báo cáo dữ liệu.

Kết quả giám sát, đánh giá là căn cứ điều chỉnh nội dung, phương thức, nguồn lực triển khai; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ DỮ LIỆU GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 88/2026/NĐ-CP quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.

Nguyên tắc chung về quản lý và sử dụng dữ liệu

Nghị định quy định, dữ liệu giáo dục và đào tạo được sử dụng để phục vụ công tác phát triển giáo dục, quản lý hệ thống giáo dục quốc dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Việc xây dựng, phát triển, xử lý, kết nối, chia sẻ, quản trị, bảo vệ, khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo tuân theo các quy định của Nghị định này và pháp luật về dữ liệu, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an ninh mạng, tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; quy định của pháp luật về xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

Việc thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến người học, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục chỉ được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân khác khi khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo phải bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Các cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo

Nghị định quy định, các cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo bao gồm:

Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo chứa một hoặc nhiều nhóm dữ liệu; danh mục các cơ sở dữ liệu này do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo thẩm quyền.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội chứa một hoặc nhiều nhóm dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu phục vụ các hoạt động quản trị, giảng dạy và học tập trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Cơ sở dữ liệu của các nền tảng giáo dục số cung cấp dịch vụ học tập trực tuyến trong nước hoặc xuyên biên giới.

Xây dựng, phát triển dữ liệu giáo dục và đào tạo

Nghị định quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ và cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ sở giáo dục thực hiện việc xây dựng, phát triển dữ liệu giáo dục và đào tạo theo các quy định tại Điều 11 và Điều 12 Luật Dữ liệu và các quy định của Nghị định này.

Dữ liệu mở giáo dục và đào tạo được sử dụng để cung cấp thông tin minh bạch với mục đích thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật; thúc đẩy các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục và đào tạo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành, cập nhật danh mục dữ liệu dùng trong các cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo; ban hành, cập nhật danh mục dữ liệu mở bắt buộc phải xây dựng, phát triển trong hệ thống giáo dục quốc dân; kế hoạch công bố dữ liệu mở giáo dục và đào tạo trên cổng dữ liệu quốc gia; ban hành Khung kiến trúc dữ liệu; Khung quản trị, quản lý dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; từ điển dữ liệu ngành giáo dục; quy trình, quy chế tạo lập dữ liệu; quy trình, quy chế làm sạch dữ liệu.

Khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo

Theo Nghị định, việc sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 21 Luật Dữ liệu và các quy định của Nghị định này.

Chủ thể khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo:

Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó.

Cơ sở giáo dục được khai thác, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo chứa thông tin về người học, nhà giáo thuộc phạm vi và đúng mục đích quản lý của đơn vị.

Cá nhân là chủ thể dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo chứa thông tin về cá nhân đó theo quy định của pháp luật.

Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định nêu trên được khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo như sau: Được khai thác và sử dụng dữ liệu mở về giáo dục và đào tạo; được khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân khi được sự đồng ý của đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu và cá nhân là chủ thể dữ liệu được khai thác; được khai thác và sử dụng dữ liệu khác khi được sự đồng ý của đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Sử dụng dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID

Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống giáo dục quốc dân theo thẩm quyền có trách nhiệm chuẩn bị, xây dựng hệ thống công nghệ hoặc sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp phục vụ việc tạo lập, báo cáo dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời theo quy định.

Dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời sau khi được tiếp nhận, lưu trữ hợp lệ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo sẽ được chia sẻ, liên thông tích hợp tự động trên ứng dụng định danh quốc gia VNelD. Các cá nhân có quyền khai thác dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời của bản thân đã được tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia để sử dụng tương đương cho các loại văn bản giấy liên quan.

Việc khai thác, sử dụng dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời có thể được thực hiện thông qua các ứng dụng khác theo quy định của pháp luật đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

Bên tiếp nhận dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời của cá nhân để sử dụng có khả năng kiểm tra, xác thực dữ liệu theo quy định pháp luật về dữ liệu.

Việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm dữ liệu đã được xác thực có đủ giá trị pháp lý tương đương dữ liệu gốc theo quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử. Dữ liệu phải được thu thập, cung cấp cho chủ thể dữ liệu và được sử dụng đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nguồn: baochinhphu.vn

BAN HÀNH DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA

Ngày 28/3/2026, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng ký Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia.

Quyết định ban hành 20 loại cơ sở dữ liệu quốc gia gồm: Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu định danh địa điểm; cơ sở dữ liệu danh tính điện tử; cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo; cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu; cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội; cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ phông lưu trữ nhà nước Việt Nam; cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế; cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; phối hợp với Bộ Công an đề xuất bổ sung, cập nhật, điều chỉnh Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ SỬA ĐỔI CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 4 NĂM 2026

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi sau khi được Quốc hội thông qua cuối năm 2025 đã chính thức có hiệu lực từ 01/4/2026, mang đến nhiều thay đổi trong cách xác lập, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ.

Giảm thời gian đăng ký sáng chế, đơn giản hoá thủ tục

Thay đổi rõ nhất của luật là rút ngắn thời gian xử lý đơn sở hữu công nghiệp và đơn giản hóa thủ tục xác lập, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Các mốc thời gian ở từng khâu đều được điều chỉnh giảm.

Cụ thể, thời gian thẩm định nội dung đơn sáng chế giảm từ 18 xuống còn 12 tháng, đơn nhãn hiệu từ 9 còn 5 tháng, đơn kiểu dáng công nghiệp từ 7 xuống 5 tháng. Thời gian công bố đơn cũng rút từ 2 xuống còn 1 tháng. Luật đồng thời bổ sung cơ chế thẩm định nhanh với đơn sáng chế và nhãn hiệu. Trong trường hợp đáp ứng điều kiện, việc thẩm định nội dung có thể rút xuống còn 3 tháng. Đây là mức thời gian rất ít quốc gia đang áp dụng.

Để đáp ứng, luật đặt yêu cầu chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động sở hữu trí tuệ. Quy trình xử lý đơn được đơn giản hóa, tăng hậu kiểm, ứng dụng công nghệ mới và AI nhằm cải thiện hiệu quả.

Tài sản trí tuệ có thể góp vốn, thế chấp

Luật thúc đẩy khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ, coi đây như một loại tài sản sinh lời. Chủ sở hữu có thể sử dụng quyền này trong các giao dịch dân sự, thương mại, đầu tư, dùng quyền sở hữu trí tuệ để góp vốn hoặc thế chấp vay vốn.

Để hỗ trợ, luật bổ sung quy định hình thành cơ sở dữ liệu về giá giao dịch quyền sở hữu trí tuệ, nhằm minh bạch thị trường. Các tổ chức trung gian như định giá, môi giới cũng được khuyến khích phát triển.

Luật cũng yêu cầu doanh nghiệp lập danh mục riêng để quản trị nội bộ đối với quyền sở hữu trí tuệ chưa đủ điều kiện ghi nhận giá trị tài sản trong sổ kế toán. Thực tế, nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa có thói quen quản lý quyền sở hữu trí tuệ như một tài sản quan trọng, dẫn đến tình trạng không duy trì hoặc gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ.

Quy định mới là bước khởi đầu cho việc chuyển trọng tâm từ "bảo hộ quyền" sang "khai thác, sử dụng quyền như một tài sản có giá trị", giảm tình trạng "bằng độc quyền để treo", mở rộng nguồn lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Mở rộng bảo hộ, tăng chế tài xử lý vi phạm

Về mở rộng đối tượng bảo hộ, Luật bổ sung khả năng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với sản phẩm phi vật lý, nhằm thích ứng với xu thế công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ số; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện bảo hộ đối với loại sản phẩm này.

Luật hiện mở rộng phạm vi bảo hộ. Việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp giờ áp dụng cả với phần không tách rời được của sản phẩm và các sản phẩm phi vật lý, như giao diện đồ họa người dùng (GUI), biểu tượng (icon). Quyền tác giả và quyền liên quan cũng được bảo hộ đối với tín hiệu cáp mang chương trình được mã hóa.

Song song, luật bổ sung các chế tài và biện pháp dân sự nhằm xử lý hành vi xâm phạm quyền trên môi trường số. Trách nhiệm của nền tảng số trong việc triển khai biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cũng được quy định rõ hơn. Mức bồi thường thiệt hại theo luật định được nâng lên, nhằm tăng tính răn đe và phù hợp với thực tiễn.

Chính sách với sáng chế tạo bởi Trí tuệ nhân tạo

Luật lần đầu đưa ra quy định nhằm xử lý những vấn đề phát sinh do sự phát triển của công nghệ mới, nhất là trí tuệ nhân tạo.

Theo đó, việc khai thác dữ liệu để nghiên cứu, thử nghiệm và huấn luyện hệ thống AI được cho phép, với điều kiện không ảnh hưởng bất hợp lý đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, tác giả, đồng thời tuân thủ quy định liên quan.

Theo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng, tư tưởng chính của lần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ này là: Sở hữu trí tuệ phải biến kết quả nghiên cứu thành tài sản để có thể giao dịch; phải trở thành tài sản của doanh nghiệp, có thể định giá, mua bán, được hạch toán vào báo cáo tài chính và sử dụng làm tài sản bảo đảm để vay vốn, góp vốn, đặc biệt đối với tài sản công nghệ mới, công nghệ số, AI.

Đặc biệt, luật bổ sung quy định từ chối và hủy bỏ văn bằng bảo hộ khi phát hiện chủ thể tạo ra không phải con người. Quy định này phù hợp với chính sách chỉ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm có tác giả là con người hay do con người tạo ra. Với trường hợp sử dụng AI trong quá trình tạo sản phẩm, luật giao Chính phủ quy định cụ thể về việc phát sinh và xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, về vấn đề đăng ký nhãn hiệu chứa tên quốc gia Việt Nam, Luật cũng bổ sung quy định kiểm soát việc đăng ký đối với nhãn hiệu này.

Nguồn: vietnamplus.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Bộ Chính trị**

- Phân công, bổ nhiệm đồng chí Lê Văn Lợi, Uỷ viên Trung ương Đảng giữ chức Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam kiêm giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách và Chiến lược Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Phân công, bổ nhiệm đồng chí Trần Hồng Thái, Uỷ viên Trung ương Đảng, giữ chức Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kiêm giữ chức Phó Trưởng Ban Chính sách và Chiến lược Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Phân công, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Thanh Lâm, Uỷ viên Trung ương Đảng, giữ chức Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam kiêm giữ chức Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Phân công, bổ nhiệm đồng chí Đỗ Tiến Sỹ, Uỷ viên Trung ương Đảng, giữ chức Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, kiêm giữ chức Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025-2030;

- Bổ nhiệm đồng chí Vũ Việt Trang giữ chức Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam kiêm giữ chức Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chuẩn y đồng chí Trần Phong, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Khánh Hoà nhiệm kỳ 2025 - 2030, chỉ định tham gia Đảng uỷ Quân khu V.

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 529/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 điều động, bổ nhiệm ông Bùi Thế Duy, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam giữ chức Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Ngày 31/3/2026, Thủ tướng Chính phủ đã phê chuẩn các kết quả bầu chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2026-2031. Cụ thể:

1. Thành phố Hà Nội

Tại Quyết định số 566/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Vũ Đại Thắng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 551/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Dương Đức Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Xuân Lưu, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Trương Việt Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Bà Vũ Thu Hà, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Thành phố Hồ Chí Minh

Tại Quyết định số 580/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Văn Được, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 596/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Mạnh Cường, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Lộc Hà, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Hoàng Nguyên Dinh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Bùi Xuân Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Bùi Minh Thạnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Nguyễn Công Vinh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

7- Ông Trần Văn Bảy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

3. Thành phố Huế

Tại Quyết định số 571/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Khắc Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 552/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Hoàng Hải Minh, Ủy viên Ban Thường vụ thành ủy Huế nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Trần Hữu Thùy Giang, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Hà Văn Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Huế nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Văn Mạnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế nhiệm kỳ 2025-2030, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Huế.

4. Thành phố Cần Thơ

Tại Quyết định số 548/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Trương Cảnh Tuyên, Phó Bí thư Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 526/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Văn Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Trần Chí Hùng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Văn Khởi, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Vương Quốc Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Tỉnh Tuyên Quang

Tại Quyết định số 588/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 545/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Hoàng Gia Long, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Vương Ngọc Hà, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021-2026.

6. Tỉnh Cao Bằng

Tại Quyết định số 581/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Lê Hải Hòa, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 598/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Vũ Đình Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Hoàng Văn Thạch, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Hà Nhật Lệ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021-2026.

7. Tỉnh Lai Châu

Tại Quyết định số 555/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Hà Quang Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 544/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Tống Thanh Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Hà Trọng Hải, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Nguyễn Sỹ Cảnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

8. Tỉnh Lào Cai

Tại Quyết định số 556/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Tuấn

Anh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 557/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Ngô Hạnh Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Giàng Quốc Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy Lào Cai.

3- Ông Phan Trung Bá, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Thành Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Bà Vũ Thị Hiền Hạnh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

9. Tỉnh Thái Nguyên

Tại Quyết định số 569/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Vương Quốc Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 575/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Linh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Bà Nguyễn Thị Loan, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Dương Văn Lượng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nông Quang Nhất, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2021-2026.

10. Tỉnh Điện Biên

Tại Quyết định số 597/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Lê Văn Lương, Phó Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 595/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Lò Văn Cương, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Văn Đoạt, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Nguyễn Minh Phú, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021-2026.

11. Tỉnh Lạng Sơn

Tại Quyết định số 563/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Cảnh Toàn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 528/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Đinh Hữu Học, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Đoàn Thanh Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Trần Thanh Nhàn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021-2026.

12. Tỉnh Sơn La

Tại Quyết định số 593/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Đình Việt, Phó Bí thư Tỉnh ủy Sơn La nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 599/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Hà Trung Chiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Thành Công, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Đặng Ngọc Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Minh Tiến, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2021-2026.

13. Tỉnh Phú Thọ

Tại Quyết định số 559/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Trần Duy Đông, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 590/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Phan Trọng Tấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Vũ Việt Văn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Quách Tất Liêm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Đinh Công Sứ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Nguyễn Huy Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Nguyễn Khắc Hiếu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

7- Bà Phùng Thị Kim Nga, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2021-2026.

14. Tỉnh Bắc Ninh

Tại Quyết định số 535/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Phạm Hoàng Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bắc Ninh nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 576/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Mai Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Đào Quang Khải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Lê Xuân Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Phạm Văn Thịnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Ngô Tân Phượng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Phan Thế Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

15. Tỉnh Quảng Ninh

Tại Quyết định số 558/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Bùi Văn Khắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 550/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Vũ Văn Diện, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Lê Văn Ánh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Nguyễn Thị Hạnh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Văn Công, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

16. Tỉnh Ninh Bình

Tại Quyết định số 568/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 538/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Trần Song Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Anh Chức, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Trần Anh Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Đặng Thanh Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Bà Hà Lan Anh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Nguyễn Cao Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026.

17. Tỉnh Thanh Hóa

Tại Quyết định số 567/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Hoài

Anh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 547/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Mai Xuân Liêm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Lê Quang Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Đầu Thanh Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Cao Văn Cường, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021-2026.

18. Tỉnh Nghệ An

Tại Quyết định số 546/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Võ Trọng Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 560/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Bùi Thanh An, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Văn Đệ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Hoàng Phú Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Thái Văn Thành, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Phùng Thành Vinh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021-2026.

19. Tỉnh Hà Tĩnh

Tại Quyết định số 570/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Phan Thiên Định, Phó Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 584/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Trần Báu Hà, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Hồ Huy Thành, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Nguyễn Thị Nguyệt, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021-2026.

20. Tỉnh Quảng Trị

Tại Quyết định số 562/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Lê Hồng Vinh, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 537/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Hoàng Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Lê Văn Bảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Phan Phong Phú, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Hoàng Xuân Tân, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Lê Đức Tiến, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

21. Tỉnh Quảng Ngãi

Tại Quyết định số 577/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Hoàng Giang, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 587/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Bà Y Ngọc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Trần Phước Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Đỗ Tâm Hiển, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Công Hoàng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Nguyễn Ngọc Sâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2021-2026.

22. Tỉnh Gia Lai

Tại Quyết định số 582/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Phạm Anh Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 583/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Tuấn Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Tự Công Hoàng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Lâm Hải Giang, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Bà Nguyễn Thị Thanh Lịch, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Dương Mah Tiệp, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Nguyễn Hữu Quế, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021-2026.

23. Tỉnh Đắk Lắk

Tại Quyết định số 536/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Đỗ Hữu Huy, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk nhiệm kỳ 2025-2030.

Đồng thời, tại Quyết định số 592/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Bà Hồ Thị Nguyên Thảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Đào Mỹ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Trương Công Thái, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Thiên Văn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026.

24. Tỉnh Khánh Hòa

Tại Quyết định số 579/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Việt Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030.

Đồng thời, tại Quyết định số 585/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Long Biên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Trần Hòa Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Lê Huyền, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Trịnh Minh Hoàng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Nguyễn Thanh Hà, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021-2026.

25. Tỉnh Lâm Đồng

Tại Quyết định số 554/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Hồ Văn Mười, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 561/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Lê Trọng Yên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Hồng Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Võ Ngọc Hiệp, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Minh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Nguyễn Ngọc Phúc, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

6- Ông Đinh Văn Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

26. Tỉnh Đồng Nai

Tại Quyết định số 565/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Nguyễn Văn Út, Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 586/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Kim Long, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Lê Trường Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Bà Nguyễn Thị Hoàng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Hồ Văn Hà, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021-2026.

27. Tỉnh Tây Ninh

Tại Quyết định số 539/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Lê Văn Hẳn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 591/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Hồng Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Minh Lâm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Đoàn Trung Kiên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Phạm Tấn Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Huỳnh Văn Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

28. Tỉnh Đồng Tháp

Tại Quyết định số 564/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Phạm Thành Ngại, Phó Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 542/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Trần Văn Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Thành Diệu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Huỳnh Minh Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Phước Thiện, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021-2026.

29. Tỉnh An Giang

Tại Quyết định số 573/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Hồ Văn Mừng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 594/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Nguyễn Thanh Phong, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Lê Văn Phước, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Lê Trung Hồ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Bà Nguyễn Thị Minh Thúy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Ngô Công Thức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2021-2026.

30. Tỉnh Vĩnh Long

Tại Quyết định số 578/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Trần Trí Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 541/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Đặng Văn Chính, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Trúc Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

3- Ông Châu Văn Hòa, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Nguyễn Quỳnh Thiện, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Bà Nguyễn Thị Bé Mười, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026.

31. Tỉnh Cà Mau

Tại Quyết định số 572/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Lữ Quang Ngời, Phó Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau nhiệm kỳ 2025-2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

Đồng thời, tại Quyết định số 543/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2026-2031 đối với:

1- Ông Lâm Văn Bi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

2- Ông Nguyễn Minh Luân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

3-Ông Lê Văn Sử, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

4- Ông Huỳnh Chí Nguyện, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

5- Ông Ngô Vũ Thăng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021-2026.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn